

Số 80/2024/CBTT-TB

Hải Phòng, ngày 18 tháng 04 năm 2024



CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Trụ sở chính : Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Tp. Hải Phòng,
Việt Nam.

Điện thoại : (+84) 2253.922786

Fax: (+84) 2253.922783

Website : <https://amecc.com.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: **ĐÌNH PHƯƠNG THẢO**

Địa chỉ : 117 Thế Lữ, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0982800883

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC công bố Bản Báo cáo thường niên 2023. Nội dung chi tiết như văn bản đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC vào ngày 18/04/2024 tại đường dẫn: <https://amecc.com.vn/cong-bo-thong-tin-170094.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên 2023

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

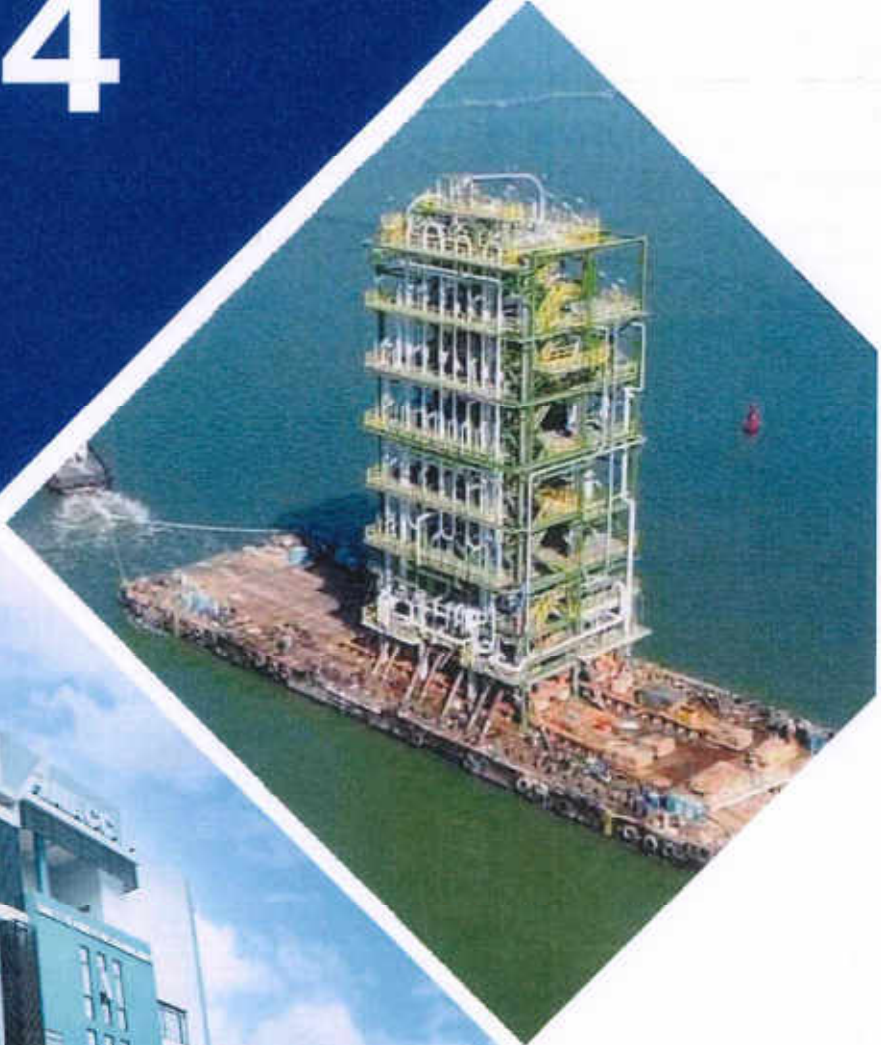
ĐÌNH PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024



AMECC
Cùng xây ngày mai

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**
Số: 80/2024/BC-AMECC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 18 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
NĂM 2023

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Hải Phòng, tháng 4/2024

A1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC.

Năm 2023 đi qua, Kinh tế - Chính trị - Xã hội trên thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của nhiều biến cố, bất định khó lường đã và đang tiếp tục diễn ra, từ cạnh tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; đại dịch Covid-19; khủng hoảng Nga-Ukraine, biến đổi khí hậu, ... khiến cho trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ và làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, với vị thế là một nền kinh tế có độ mở lớn, nền kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là về xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến, chế tạo, thu hút đầu tư, ...

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 chỉ tăng 3,02% so với năm 2022, là mức tăng thấp nhất kể từ 2011 tới nay.

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với khó khăn về thị trường, khát vốn, mặc dù chính sách tín dụng đã được nới lỏng, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm, nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, công với chi phí đầu vào sản xuất tăng cao; dẫn đến nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc vật lộn để tồn tại, thị trường lao động gặp khó khăn khi doanh nghiệp bắt buộc phải giảm giờ làm, giảm lương, cắt giảm lao động, tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần gia tăng, ...

Trong bối cảnh đó, năm 2023 có nhiều thuận lợi cũng như khó khăn tác động tới việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC.

Về mặt thuận lợi-cơ hội:

- AMECC đã có thương hiệu nhất định trên thị trường, tiếp tục nâng cao uy tín, duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, khách hàng, được khách hàng tin tưởng tiếp tục ký kết nhiều hợp đồng với giá trị lớn;
- Xu hướng rõ rệt và dòng dịch chuyển đầu tư toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ trong đó Việt Nam với nhiều lợi thế đã, đang và sẽ tiếp tục mang lại những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp cơ khí như AMECC nói riêng;
- AMECC có độ ngũ nhân sự trẻ, nhiệt huyết và có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, tay nghề.

Về mặt khó khăn-thách thức:

- Tình hình môi trường kinh doanh thế giới bất ổn và biến động khó lường nên rủi ro cho AMECC trong công tác thu hồi vốn do khách hàng AMECC chủ yếu là doanh nghiệp nước ngoài cũng như khả năng huy động vốn hạn chế mặc dù chi phí vốn vay giảm do hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn;

- AMECC đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển nóng với tốc độ khá nhanh, thực hiện nhiều mục tiêu chiến lược khác nhau, trong khi nguồn lực rất hạn chế, bao gồm cả nguồn lực tài chính thiếu hụt lẫn nguồn nhân lực chưa ổn định, nên chưa đáp ứng bắt kịp được tốc độ phát triển theo yêu cầu của Công ty;
- Cạnh tranh khốc liệt, không chỉ trong hoạt động phát triển thị trường, mà còn cả trong lĩnh vực nguồn nhân lực.

Trong điều kiện bối cảnh đó, tận dụng cơ hội và vượt qua các khó khăn thách thức, được sự hỗ trợ, quan tâm của các Quý vị Cổ đông, Hội đồng quản trị, BLĐ Công ty cùng toàn thể CBCNV đã không ngừng nỗ lực cố gắng, không ngừng đã đảm bảo duy trì ổn định và phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn người lao động, mà còn bước đầu tạo ra những đột phá mạnh mẽ về sản lượng GCCT xuất khẩu để thu nguồn ngoại tệ về cho đất nước, tạo thêm mối quan hệ với đối tác nước ngoài quảng bá sản phẩm thương hiệu đầy nước và cong người Việt nam với bạn bè thế giới. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục cùng cố và nâng cao vị thế, uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, tạo được lòng tin đối với khách hàng và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bước sang năm 2024, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó dự báo ngành cơ khí vẫn chưa thoát khỏi các khó khăn với nguyên nhân chủ yếu là thị trường bị thu hẹp song vẫn tiếp tục đón nhận xu hướng dịch chuyển đầu tư toàn cầu mang lại cơ hội lớn nhưng chỉ cho những doanh nghiệp cơ khí lớn thực sự có năng lực kinh nghiệm.

Đối với AMECC, năm 2024 sẽ tập trung hoàn thành các mục tiêu, trong đó:

- Hoàn thành đầu tư toàn bộ các nhà xưởng khu 5.5ha và đầu tư thêm công nghệ mới;
- Hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 Trung tâm module tại KCN Nam Đình Vũ;

Để đảm bảo đạt mục tiêu sản lượng gia công chế tạo bình quân trên 5.000 tấn/tháng, tương đương 60.000 tấn/năm.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, nhất định AMECC sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới 2024 mà còn trong cả nhiều năm tiếp theo. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn Quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như các khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm do AMECC cung cấp và hy vọng tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý giá từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT




NGUYỄN VĂN NGHĨA

2. Một số chỉ tiêu chính

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.003.591.091.488	2.621.440.531.923
Giá vốn hàng bán	2.756.642.522.030	2.409.684.635.675
Lợi nhuận trước thuế	56.436.979.356	52.396.581.937
Lợi nhuận sau thuế	52.492.574.602	38.667.171.752 (Bảng cân đối kế toán)
Tổng tài sản	3.349.787.032.391	2.779.254.982.024
Vốn chủ sở hữu	787.092.464.419	498.288.783.431
Nợ phải trả	2.562.694.567.972	2.280.966.198.593
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
ROE	6,67%	7,76%
ROA	1,57%	1,39%

3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

❖ Tầm nhìn

Xây dựng và khẳng định AMECC là công ty HÀNG ĐẦU tại Việt Nam, có uy tín trên Toàn cầu về lĩnh vực: Sản xuất – Gia công chế tạo và lắp đặt - Kết cấu thép và thiết bị công nghiệp - Năng lượng - Hoá chất - Lọc hoá dầu - Công nghệ xanh tại Việt Nam cũng như trên Thế giới.

❖ Sứ mệnh

- AMECC cung cấp tới Quý Khách hàng, Đối tác những Sản phẩm chất lượng cao tiến độ đảm bảo cùng dịch vụ tốt nhất.
- Là Nhà thầu chính, Tổng thầu và Chủ đầu tư uy tín, xây dựng những công trình chất lượng và bền vững theo thời gian.
- Không ngừng đổi mới và phát triển ổn định bền vững, mang lại những Giá trị tốt đẹp cho mọi người, cho xã hội. Xây dựng hình ảnh đất nước Việt nam tốt đẹp trước cộng đồng Quốc tế.

❖ Giá trị cốt lõi

- Giá trị cốt lõi của Công ty AMECC là Niềm tin – Sự tin tưởng và đồng hành của Khách hàng – của Đối tác và CBCNV trong toàn AMECC.
- Cam kết lấy tiêu chí uy tín về chất lượng sản phẩm và dịch vụ làm hàng đầu. AMECC cam kết hướng tới sự thành công của khách hàng và lấy đó làm mục tiêu thành công của AMECC
- Trách nhiệm: Xây dựng một công ty AMECC phát triển bền vững dựa trên nền tảng xây dựng Văn hoá doanh nghiệp – Trung thực – Chuyên nghiệp – Tận tâm.
- Có trách nhiệm Công hiến – Xây dựng cho Công ty, cho Đất nước, cho Thế giới ngày một Tốt đẹp hơn và Hạnh phúc hơn.
- Sự cân bằng: Hướng tới một môi trường làm việc văn hoá, thân thiện và biết chia sẻ. AMECC sẽ là nơi duy trì đảm bảo được công việc, nâng cao đời sống của toàn thể CBCNV và dành sự trân trọng, sự tri ân cho đối tác khách hàng.

A2. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

❖ Thông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
Tên viết tắt	AMECC JSC.
Tên tiếng anh	AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
GCN đăng ký DN số	0200786983
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	0225.3922786
Số fax	0225.3922783
Website	www.amecc.com.vn
Mã cổ phiếu	AMS

Logo	
Slogan tiếng Việt	Cùng xây ngày mai
Slogan tiếng Anh	Together build tomorrow

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngày 25/04/2016: Công ty cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích hơn 240.000m² và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.
- Năm 2014, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC, nay đã được đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN AMECC GT. Công ty chuyên cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn và sản xuất Grating hàng đầu khu vực phía Bắc với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150 μ m.
- Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG, nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần AMECC Thương Mại, chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Năm 2017, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.

- Năm 2018, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC là cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.

- Tháng 12/ 2022, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC) có trụ sở chính tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Hải Phòng, ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.

- Hiện nay, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC với hơn 15 năm kinh nghiệm và phát triển, cam kết đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp như: gia công chế tạo cơ khí, xây dựng công trình năng lượng nhiệt điện, lọc hoá dầu, điện mặt trời, xi măng, cầu đường, công nghệ môi trường,...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
5.	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)</p>	7730
6.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị</p>	4299
7.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	<p>Xây dựng công trình cấp, thoát nước</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi</p>	4222
10.	<p>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp</p>	4293
11.	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình</p>	7110
12.	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang</p>	4662
13.	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu</p>	8559
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Thiết kế các công trình nổi	
15.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn	3290
16.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên	2816
17.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
19.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực	2599
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Phá dỡ	4311
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Vận tải đường ống	4940
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592 (Chính)
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi	4329
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét lòng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng	4390
33.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy	4659
38.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
42.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46.	Sản xuất điện	3511
47.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

❖ Cụ thể các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

- Tư vấn-thiết kế

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...

Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: SAP2000/Solidwork, Autocad, Tekla, Advance steel, Spoolgent/PDMS, CP Manager, Autonet, Pronest / SigmaNest, ...

- Gia công chế tạo

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, lò thu hồi nhiệt HRSG, Fired-Heater, Scrubber, cột thép, ống công nghệ áp lực, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, tổ hợp module công nghệ, ...

- Cung cấp

Các sản phẩm mạ kẽm, grating, kẽm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.

Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

- Dịch vụ vận chuyển

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

- Xây lắp

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng, ...

- Sửa chữa, bảo dưỡng

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

❖ Địa bàn kinh doanh:

- **Trụ sở chính:** Trụ sở văn phòng Công ty và địa điểm sản xuất tại địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng
 - Tổng diện tích mặt bằng:
 - Diện tích nhà xưởng sản xuất:
 - Diện tích nhà Văn phòng (làm việc):
 - Diện tích kho tàng:
 - Diện tích các công trình phụ trợ
- **Văn phòng đại diện:**
 - VPĐD TP HCM - CÔNG TY CP CKXD AMECC: 127B Đinh Tiên Hoàng, P3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
 - VPĐD - CÔNG TY CP CKXD AMECC (tại Hà Nội): Số 60, phố Bùi Huy Bích, Phường Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, HN, VN
- **Địa điểm kinh doanh:**
 - ĐĐKD CÔNG TY CP CKXD AMECC: Lô KB1 - 1, KCN Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải, Q. Hải An, HP, VN
- **Chi nhánh:** Các Chi nhánh độc lập đang có địa chỉ tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

- Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 1
- Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 2
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECCI
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC Module
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Sơn Và Chống Ăn Mòn AMECC

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp;

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

• **Tổng Giám Đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp.

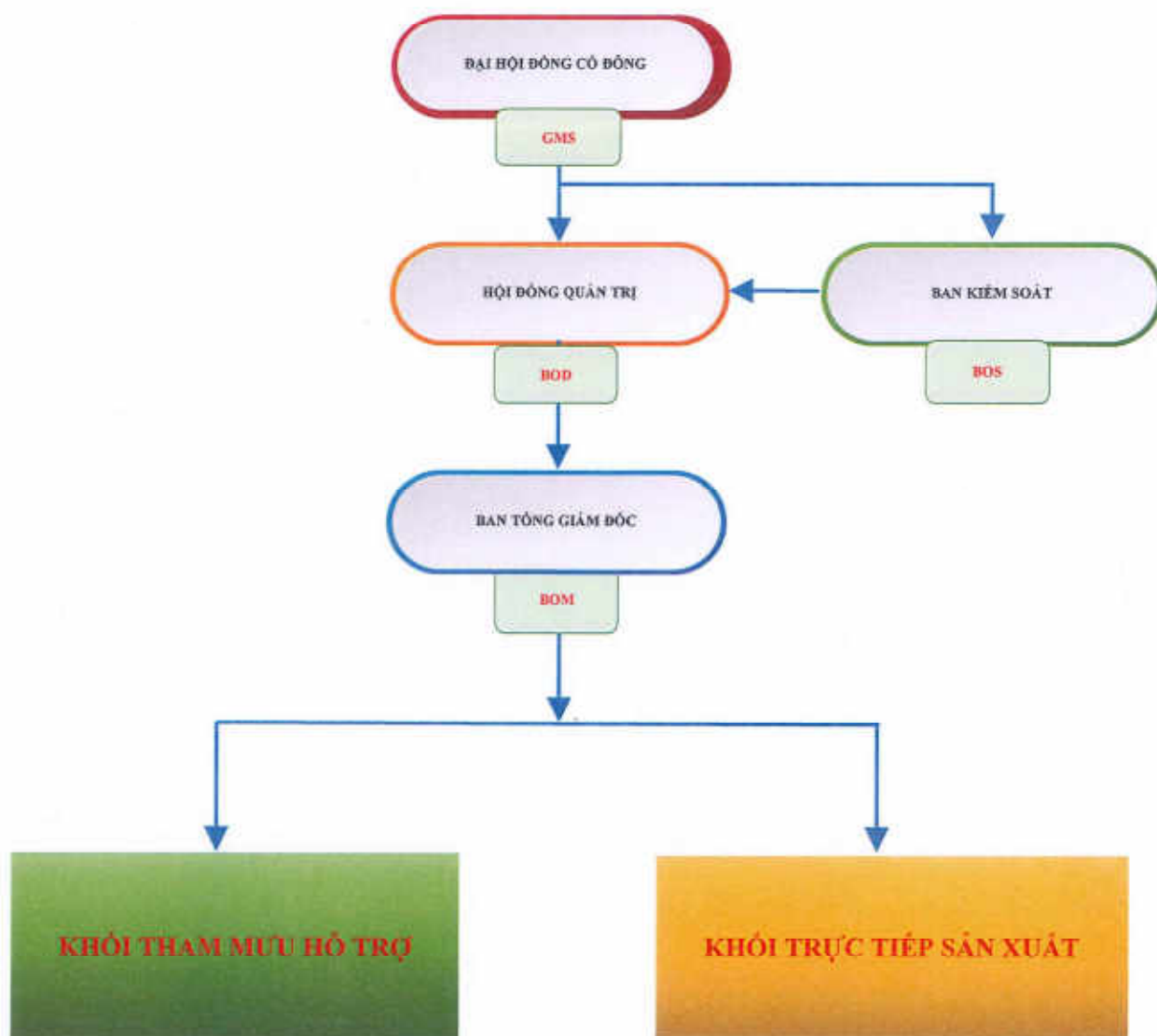
❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:

+ **Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:**

- * Đại hội đồng Cổ đông
- * Hội đồng Quản trị
- * Ban Kiểm soát
- * Ban Tổng giám đốc
- * Khối tham mưu giúp việc: Các Ban chức năng gồm: Ban Hành chính Nhân sự; Ban Tài chính kế toán; Ban Mua hàng và Logistics; Ban Quản lý dự án; Ban Quản lý Chất lượng; Ban Kỹ thuật Công nghệ; Ban Quản lý Thiết bị và Cơ giới; Ban Kinh doanh; Trung tâm tư vấn thiết kế và Trung tâm Module; Trung tâm gia công cơ khí chính xác
- * Khối trực tiếp sản xuất: Các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm :
 - CN Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và TB AMECC Số 1
 - CN Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và TB AMECC Số 2
 - Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC1
 - Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
 - Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh AMECC Module
 - Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Sơn và Chống ăn mòn AMECC

- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Thi công vật liệu chịu nhiệt & Cách nhiệt AMECC



STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
I	Công ty con				
1	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.625.270.000 đồng)	100%
II	Công ty liên kết				
1	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	23,50%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM MODULE TOÀN CẦU (GMC)	Lô đất KB2-01, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	330 Tỷ đồng	20,4%

III Đầu tư vào đơn vị khác					
1	CÔNG TY CP AMECC GT (CÔNG TY CÔNG TY CP MẠ KẼM AMECC)	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, sản xuất grating, gia công chế tạo & lắp đặt kết cấu thép	60 tỷ đồng	11,53%

4. Giới thiệu Ban lãnh đạo

❖ Giới thiệu HĐQT

Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh	24/03/1963
Nơi sinh	Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu	17,32%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch HĐQT - CTCP Tasa Group 2. Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công 3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán - CTCP Lizen 4. Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex 5. Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Thăng Long

Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT, TGD Công ty

Ngày tháng năm sinh	20/07/1975
Nơi sinh	Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	19,09%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Kikugawa Tetsuya - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	07/10/1966
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Inoue Yuji – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh 30/09/1969

Nơi sinh Nhật Bản

Quốc tịch Nhật Bản

Địa chỉ thường trú Nhật Bản

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kỹ sư

Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân 0%

Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác Không

Ông Trần Ngọc Dương - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh 24/08/1972

Nơi sinh Khoái Châu, Hưng Yên, Việt Nam

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính

Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân 0,92%

Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác Không

Ông Đinh Ngọc Thắng - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	21/10/1967
Nơi sinh	Đông Lĩnh, Đông Sơn, Thanh Hóa.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,93%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Giám đốc Công ty CP Vận tải biển Quốc tế VISC tại Hải phòng

Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt công nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,24%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

❖ Giới thiệu BKS

Bà Phạm Minh Hiếu - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	16/10/1976
Nơi sinh	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

Ông Fujiwara Norimasa - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	07/08/1958
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

Ông Vũ Đình Thông - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	27/02/1981
Nơi sinh	Hải Dương

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

5. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Với mục tiêu là vai trò tổng thầu EPC, thực hiện gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, lọc hóa dầu.
- Tăng cường công tác Marketing, đấu thầu tìm việc làm ổn định cho người lao động, thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất-năng suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị công ty.
- Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược về SXKD

- Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lấp đặt cao hơn để gia tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu gồm máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã hoàn thành đầu tư. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S, ... và ứng dụng các phần mềm quản lý khác.

Chiến lược về vốn

- Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trung và dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Thúc đẩy tăng trưởng nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả. Tái cơ cấu nợ bằng phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi suất hợp lý. Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như chính sách phù hợp đối với người lao động nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị

- Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu trong mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

- Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

Nguồn nhân lực

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho việc thực hiện ngành kinh doanh chính trên cơ sở kế hoạch phát triển quy mô sản xuất và doanh thu.

- Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.

- Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.

- Tăng cường xây dựng và đào tạo kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các mục tiêu phát triển đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro

Năm 2023, KT-CT-XH thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của nhiều biến cố, bất định khó lường đã và đang tiếp tục diễn ra, từ cạnh tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; đại dịch Covid-19; khủng hoảng Nga-Ukraine, xung đột Hamas-Israel, biến đổi khí hậu, ... khiến cho trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ và làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, nền kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là về xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến, chế tạo, thu hút đầu tư, ...

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với khó khăn về thị trường, khát vốn, mặc dù chính sách tín dụng đã được nới lỏng, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm, nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, công với chi phí đầu vào sản xuất tăng cao; dẫn đến nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc vật lộn để tồn tại, thị trường lao động

gặp khó khăn khi doanh nghiệp bắt buộc phải giảm giờ làm, giảm lương, cắt giảm lao động, tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần gia tăng, ...

Trong bối cảnh như vậy, tình hình SXKD của Công ty ít nhiều cũng bị tác động ảnh hưởng. Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

❖ **Rủi ro đối với lĩnh vực kinh doanh**

Khách quan: Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Rủi ro từ chính sách;
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

Chủ quan: Là những rủi ro này sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

❖ **Đánh giá và ứng phó với các rủi ro**

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thông tin ngành**

Theo báo cáo từ Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI), năm 2023 hoạt động sản xuất công nghiệp cả nước tiếp tục chịu ảnh hưởng của các yếu tố từ bên ngoài như: Sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn; Diễn biến căng thẳng Nga - Ukraine

cũng như xu hướng thắt chặt tài khóa, tiền tệ gia tăng trước bối cảnh lạm phát đạt mức kỷ lục tại nhiều nước; Giá nhiều mặt hàng thế giới tiếp tục xu hướng tăng gây nhiều áp lực lên giá đầu vào sản xuất tại Việt Nam. Các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn do cầu của thị trường nước ngoài có xu hướng giảm; nhà nhập khẩu chậm thanh toán; lượng tồn kho tăng cao; dòng tiền của doanh nghiệp cạn kiệt sau 3 năm dịch bệnh khó khăn gây trở ngại cho việc duy trì sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp có nhu cầu vốn lớn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối năm cũng như mua nguyên liệu chuẩn bị cho sản xuất năm 2024 nhưng gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng mặc dù chi phí lãi vay đã hạ.

Năm 2023 cũng là năm khá phức tạp khi mà các doanh nghiệp ngành công nghiệp có nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng nhiều thách thức, khó khăn. Kể từ sau đại dịch, năm 2023 là năm khó khăn nhất khi các đơn hàng giảm rất nhiều kể cả các đơn hàng trong nước cũng như quốc tế. Dự báo tình hình suy giảm sẽ vẫn tiếp tục diễn ra trong năm 2024. Tuy nhiên, trong bối cảnh ấy, khách hàng mới đi tìm nhà cung cấp-chế tạo lại khá nhiều do những tác động của cuộc dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang, đặc biệt là khách hàng từ thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu cũng rất nhiều, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm và nắm bắt được cơ hội thì có thể phát triển. Một năm 2023 đầy sự phức tạp và mâu thuẫn đã diễn ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Dự báo năm 2024, tình hình cũng sẽ diễn ra tương tự như vậy. Khách hàng mới tiếp tục rất nhiều nhưng doanh nghiệp Việt Nam có đáp ứng được yêu cầu hay không và các đơn hàng cũ vẫn có nguy cơ giảm đi và cũng không khá hơn năm 2023.

Riêng đối với ngành gia công chế tạo cơ khí có sự phân hóa rõ rệt và mạnh mẽ, trong đó một số ít doanh nghiệp gia công chế tạo cơ khí, bằng các giải pháp của mình, đã linh hoạt trong sản xuất, sắp xếp lại bộ máy quản lý, ứng dụng kỹ thuật-công nghệ, vượt qua các khó khăn để tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu, cơ hội xuất khẩu, từ đó vẫn nhận được nhiều đơn hàng lớn. Trong bối cảnh thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và làn sóng chuyển dịch các nhà máy từ Trung Quốc sang các nước lân cận, trong đó có Việt Nam, cùng việc tích cực tham gia các hiệp định FTA đã tiếp tục tạo ra nhiều cơ hội lớn cũng như dư địa tiềm năng phát triển cho ngành cơ khí Việt Nam trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

❖ **Kết quả sản xuất kinh doanh riêng lẻ so với kế hoạch**

Kết quả sản xuất kinh doanh riêng lẻ so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2023	TH năm 2023	TH năm 2022/KH năm 2022 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	2.800,00	3.003,59	107,27%
LN sau thuế	Tỷ đồng	56,00	52,89	94,45%

Mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn chung trên thị trường kinh tế Việt Nam, năm 2023 doanh thu công ty mẹ vẫn tăng trưởng mạnh và vượt 7,27% so với kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 94,45% so với kế hoạch.

❖ **Kết quả kinh doanh hợp nhất so với thực hiện**

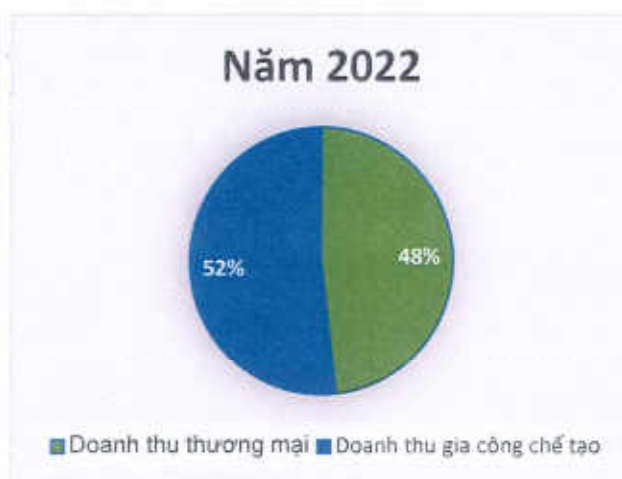
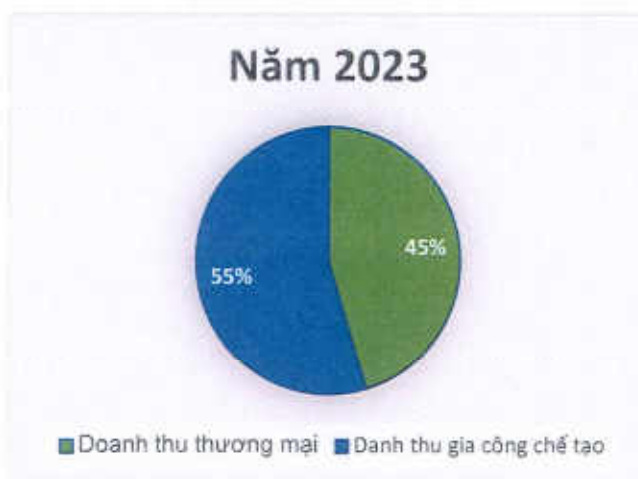
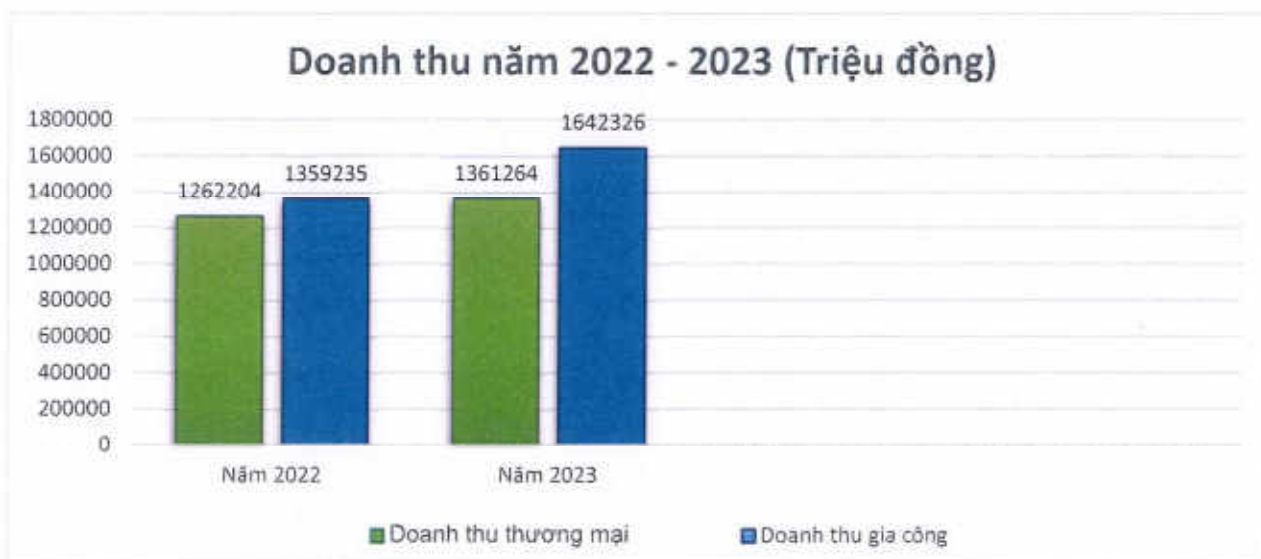
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VNĐ)	Năm 2022 (VNĐ)	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.003.591.091.488	2.621.440.531.923	14,58%
Giá vốn hàng bán	2.756.642.522.030	2.409.684.635.675	14,40%
Lợi nhuận trước thuế	56.436.979.356	52.396.581.937	7,71%
Lợi nhuận sau thuế	52.492.574.602	38.667.171.752	35,74%

Doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 114,58% so với năm 2022, số liệu này cho thấy sự tăng trưởng vượt bậc của công ty mẹ do trong năm 2023 công ty con là Công ty TNHH AMECC MYANMAR vẫn đang trong quá trình tái thiết lập lại bộ máy nên chưa phát sinh doanh thu.

Trong năm 2023 doanh thu, giá vốn, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng cho thấy kết quả của sự nỗ lực nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, tối ưu hoá lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tạo sự an tâm cho Ban điều hành và nhà đầu tư.

❖ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận



Trong năm 2023, doanh thu từ gia công chế tạo, lấp đặt đạt 1.642,32 tỷ, chiếm tỷ trọng 55% trong tổng doanh thu, tăng 3% so với năm 2022. Doanh thu nhượng bán vật tư năm 2023 chiếm tỷ trọng 45% trong tổng doanh thu, giảm 3% so với năm 2022. Như vậy, năm 2023, Ban điều hành đã từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu doanh thu từ nhượng bán vật tư sang gia công chế tạo lấp đặt để hướng tới phát triển ổn định và vững mạnh.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng Giám đốc Công ty

Ngày tháng năm sinh	20/07/1975
Nơi sinh	Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	19,09%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Lê Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt công nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,24%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Hữu Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	01/01/1964
Nơi sinh	Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0.46%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

❖ Nhân sự và chính sách nhân sự

- **Tổ lượng nhân sự năm 2023: 1238 lao động**
- **Cơ cấu nhân sự**

STT	Tiêu chí	Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	250	20,19%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	50	4,04%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	380	30,69%
4	Lao động phổ thông	558	45,07%
II	Theo đối tượng lao động		

1	Lao động trực tiếp	993	80,21%
2	Lao động gián tiếp	245	19,79%
III	Theo giới tính		
1	Nam	1103	89,10%
2	Nữ	135	10,90%
IV	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	185	14,94%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	360	29,08%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	397	32,07%
4	Trên 45	296	23,91%
Tổng số lao động		1238	100%

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- **Về tiền lương:** Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập **trên 14,8 triệu đồng/1 người/1 tháng** Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng.

Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

- **Công tác đào tạo:** Trong năm 2023, tổng cộng có 104 khóa đào tạo nội bộ và một số khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 04 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế, 60 khóa cho phòng hành chính nhân sự đào tạo

an toàn và vận hành máy – thiết bị, 05 khoá đào tạo của phòng quản lý chất lượng về các chứng chỉ, Ban Kinh doanh đào tạo on job...

+ Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý trong quá trình SXKD.

+ Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Mở lớp đào tạo ngoại ngữ cho CBCNV.

- **Về chính sách khen thưởng:** Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.

- **Công tác đời sống, quyền lợi đối với người lao động:** Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

- **Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước như:** Chế độ BHXH, BHYT cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể CBCNV.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

3.1 Tình hình thực hiện đầu tư

3.1.1 Tình hình đầu tư nhà xưởng khu 5.5ha

Cho tới cuối năm 2023, đã cơ bản hoàn thành hơn 90% các hạng mục đầu tư khu 5.5ha, với tổng giá trị giải ngân đã đạt 118,76 tỷ VNĐ, trong đó:

- Nhà xưởng A6 đã đi vào hoạt động chính thức từ T4/2023;

- Nhà xưởng A7 đang tiếp tục hoàn thiện nhưng đã bàn giao tạm phục vụ sản xuất từ T9/2023 (chưa có cầu trục).

3.1.2 Tình hình đầu tư MMTB và phương tiện cơ giới

Trong năm 2023, Công ty đã mua sắm đầu tư hơn 57 đầu mục MMTB và phương tiện cơ giới như các máy cắt laser CNC 30kW, máy cắt laser CNC thép hình 6kW, máy hàn TIG, các MMTB chuyên dụng như máy tiện CNC, máy khoan CNC, máy chấn CNC, máy lốc tôn khổ lớn, ...cho Trung tâm Gia công Cơ khí Chính xác, hệ thống khí nén, bồn gas-oxy, cầu trục bánh lốp, cầu quay, cầu trục 5/10/20/30 tấn, xe boom, xe nâng, đầu kéo sơ mi rơ móc tải,

Cũng trong năm 2023 đã hoàn thành lắp đặt chạy thử và đưa vào vận hành thành công và hiệu quả dây chuyền sản xuất grating tự động, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng thay vì phải mua từ TP HCMC, không chủ động và với chi phí cao.

Hệ thống MMTB và phương tiện đầu tư đã tạo ra sự chủ động trong sản xuất, tăng sản lượng pha cắt lên 3.500 tấn/tháng và sản lượng gia công chế tạo đạt trên 4.000 tấn/tháng và còn tiếp tục tăng hơn nữa, năng suất lao động bình quân của T12/2023 đạt 8,1 tấn/người/tháng. Phần lớn hàng hóa vận chuyển đường bộ cho dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 do các đầu rơ mooc công ty đầu tư chạy với tần suất có tháng lên tới hơn 120 chuyến. Điều đó đã chứng minh được hiệu quả đầu tư trong thực tiễn sản xuất.

3.1.3 Tình hình đầu tư tại Công ty Cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC)

Tháng 12/2022, AMECC góp vốn 67 tỷ đồng (20,4%) cùng Samsung Engineering (SECL) (49,6%) và Công ty Cổ phần dịch vụ Cảng Hải Phòng (HPS) (30%) thành lập Công ty Cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC), với quy mô:

- Diện tích đất: 162.517 m²;
- Công suất kế hoạch: 20,000 tấn/năm;
- Ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.

Tính đến hết năm 2023, thông qua phần vốn góp 67 tỷ (20,4%) của AMECC tại Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu, đã cơ bản đầu tư xong các hạng mục như hạ tầng

bến bãi, văn phòng, nhà xưởng, cầu trục,, bước đầu đưa vào sử dụng một số diện tích nhà xưởng để gia công chế tạo ống, diện tích bãi phục vụ lắp ráp tổ hợp module cũng như tổ hợp các kết cấu thiết bị siêu trường siêu trọng và tập kết vật tư.

Toàn bộ đầu tư giai đoạn I dự kiến hoàn thành trong quý II/2024.

3.1.4 Tình hình thực hiện các dự án

Năm 2023, AMECC hướng trọng tâm vào hoạt động sản xuất gia công chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí phục vụ xuất khẩu ra thị trường khu vực và quốc tế. Kết hợp giữa thực hiện có hiệu quả các dự án còn dang dở với ký kết các dự án mới, năm 2023 AMECC đã phát triển thêm một bước trong quan hệ với nhiều khách hàng quốc tế lớn:

(1) Khách hàng SECL:

Với sự ra đời của Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu (GMC) – sự kết hợp trong ý chí và định hướng phát triển của các thành viên sáng lập, AMECC và Samsung Engineering Co., Ltd. (SECL) (nay đổi tên là SAMSUNG E&A hay gọi tắt là SENA) đã ngày càng tăng cường quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược và là khách hàng lớn nhất của AMECC.

Trong 2023, SENA đã ký kết và triển khai thực hiện nhiều dự án tại AMECC với tổng giá trị tương ứng 517.600.000.000 VND

Trong đó, tại thời điểm tháng 3/2023, AMECC đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng dự án Shell OGP với SENA. Đây là dự án lớn với tổng khối lượng là 4.960.08 tấn, tổng giá trị tương ứng 274.048.000.000 VND. Hiện dự án đang được AMECC triển khai thực hiện.

(2) Khách hàng BHI:

Là khách hàng truyền thống với nhiều loại hình sản phẩm về thiết bị cơ khí: *Nhà máy điện năng lượng, sản phẩm HRSG*, BHI đã ký kết và triển khai thực hiện 05 dự án tại AMECC với tổng khối lượng là 9.539,22 tấn, tổng giá trị là 245.987.718.350VND. BHI đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng AMECC, thể hiện ở việc luôn theo sát từng dự án để hướng dẫn, trao đổi kỹ thuật, kiểm tra, đánh giá chất lượng..., cùng các cán bộ quản lý thúc đẩy tiến độ, chất lượng cho tất cả các dự án.

(3) Khách hàng Esindus:

Esindus đã trở thành khách hàng lớn của AMECC sau năm 2023 với 06 dự án, tổng khối lượng 5.173.72 tấn thiết bị, tổng giá trị 230.392.948.610 VND. Được thành lập và phát triển từ năm 1953 và có trụ sở chính ở Thủ đô Madrid, Tây ban Nha, với hệ thống các công ty con

ở Bồ Đào Nha, Mỹ La Tinh..., Esindus là khách hàng khắt khe về chất lượng và tiến độ. Tuy nhiên với việc hoàn thành 06 dự án trong năm 2023, AMECC đã thực sự chinh phục được Esindus, trực tiếp khẳng định vị trí của mình trong lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí, thông qua Esindus để quảng bá thương hiệu ra thị trường Châu Âu và toàn cầu.

(4) Khách hàng VPI:

Trong năm 2023, Vogt Power International (VPI) là một trong những khách hàng lớn của AMECC với tổng cộng 09 dự án, tổng khối lượng thực hiện là 7.268,88 tấn, tổng giá trị là 333.583.761.405 VND. VPI đã thực sự tin tưởng vào năng lực và uy tín của AMECC, luôn cam kết đồng hành và phát triển hợp tác sâu rộng hơn cùng AMECC. VPI đã và đang góp một phần quan trọng trong quảng bá thương hiệu của AMECC tại Hoa Kỳ.

Bên cạnh các đối tác nêu trên, AMECC còn thực hiện và hoàn thành nhiều dự án với 12 đối tác quốc tế lớn khác.

Ngoài việc duy trì ổn định với các đối tác khách hàng truyền thống khác như SANKYU INC, SECL, BHI, VPI, JNK Heater, Kirchner Italia S.P.A, Energas, MHI..., AMECC cũng đã tiếp cận thành công và ký kết hợp đồng với nhiều khách hàng mới trong năm 2023. Các khách hàng có thương hiệu, tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới như Fives Stein, Southland Process Group, LLC (SPG), ZEECO Inc... đã lần đầu ký kết hợp đồng với AMECC với tổng giá trị là 132,194,598,000 VND. Ký kết thành công các hợp đồng và triển khai hiệu quả các dự án với khách hàng mới trong năm 2023 đã xác nhận AMECC không ngừng mở rộng thị trường quốc tế và nỗ lực tìm kiếm khách hàng của AMECC đang đúng hướng và có hiệu quả.

Tiếp tục quan tâm tới các dự án lớn trong nước, vừa khẳng định vị thế vừa chung tay xây dựng và phát triển đất nước:

Năm 2023, AMECC đã triển khai thực hiện 08 dự án trong nước, với tổng khối lượng là 23.766,09 tấn, tổng giá trị là 1.217.685.753.201 VND. Trong số các dự án trong nước, đáng chú ý là 03 dự án lớn mang tầm quốc gia:

- (1) Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I thuộc Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 về điều chỉnh Quy hoạch Phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- (2) Dự án Đầu tư xây dựng công trình tận dụng nhiệt thừa khí thải dây chuyền 1 và dây chuyền 2 để phát điện (WHR) thuộc Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn. Đây là Dự án có tổng mức đầu tư trên 454 tỷ đồng, tổng công suất lắp đặt 12 MW, là dự án lớn với ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong tận dụng nhiệt thừa khí thải của các dây chuyền nhiệt điện.
- (3) Thực hiện hạng mục cung cấp, gia công, sản xuất kết cấu thép game Công viên nước Sầm Sơn, nằm trong Dự án khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Nam Sông Mã - một phần trong Dự án Quảng trường biển và Tổ hợp Đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp biển Sầm Sơn, với vốn đầu tư khoảng 25.000 tỷ đồng.

Việc tiếp tục gia công chế tạo và thi công lắp dựng các dự án trong nước mặt góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho AMECC, mặt khác tiếp tục đánh dấu những đóng góp trực tiếp của AMECC trong trong xây dựng và phát triển đất nước trong năm 2023

4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2023

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023

	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
A	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn				
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,04	
2	Hệ số thanh toán nhanh				
	Tài sản NH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,52	0,63	
B	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/tổng tài sản (TD/TA)	%	81,66%	76,59%	
2	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (D/E)	Lần	4,45	3,27	
C	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,70	2,7	

2	Kỳ luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	133	133	
3	Vòng quay tổng tài sản	%	105,69%	97,48%	
D	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,74%	1,76%	
2	Hệ số Lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	1,63%	1,58%	
3	Hệ số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,88%	6,73%	

Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2023 là 1,04 lần, tăng 2% so với năm 2022. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,52 lần lên 0,63 lần, chứng tỏ tài sản ngắn hạn của công ty đủ để đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán cho thấy tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2023 là an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán trong kỳ.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2022 cho thấy sau khi tăng vốn, Công ty đã tự chủ hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ số này phản ánh tình hình vay nợ để đầu tư máy móc thiết bị và tích trữ hàng tồn kho phục vụ mở rộng sản xuất theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, hứa hẹn sẽ tăng trưởng lớn trong năm 2023.

Hệ số năng lực hoạt động

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho duy trì ở mức 2,70 vòng tương ứng với kỳ luân chuyển hàng tồn kho là 133 ngày. Hệ số này là phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hệ số Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 105,69% xuống 97,48% cho thấy việc đầu tư thêm tài sản phục vụ sản xuất đã phát huy tác dụng. Năm 2023, khi sản xuất ổn định hệ số này chắc chắn sẽ được cải thiện nhiều so với năm 2022.

Hệ số khả năng sinh lời

Năm 2023 ROS tăng trong khi chỉ số ROA và ROE đều giảm do đầu tư lớn và tăng vốn trong năm. Điều quan trọng hơn là cơ cấu doanh thu đã thay đổi theo hướng mà Ban điều hành đã đề ra, đó là tăng trưởng doanh thu gia công chế tạo lắp đặt hướng tới phát triển bền vững, làm cho lợi nhuận sau thuế tăng cao so với năm 2022. Điều này một lần nữa khẳng định hướng đi đúng đắn mà Ban điều hành đã đề ra.

5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành **60.000.000** cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần phổ thông: **60.000.000** cổ phiếu

Số cổ phần ưu đãi: **0** cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: **60.000.000** cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: **0** cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng/ cổ phiếu**

5.2 Cơ cấu cổ đông

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 24/04/2023

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	2044	38.537.500	64,23%
1	Cổ đông tổ chức	03	5.901	0,01%
2	Cổ đông cá nhân	2041	25.181.599	41,97%
II	Cổ đông nước ngoài	11	21.462.500	35,77%
1	Cổ đông tổ chức	02	21.444.466	35,74%
2	Cổ đông cá nhân	09	18.034	0,03%
	Tổng cộng	2055	60.000.000	100,00%

AMS không có cổ đông nhà nước.

5.3 Danh sách cổ đông lớn

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/10/2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Văn Nghĩa	10.392.000	17,32%
2	Nguyễn Văn Thọ	11.454.614	19,09%
3	SANKYU INC.	21.030.000	35,05%
	Tổng	42.876.614	71,46%

5.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lịch sử tăng vốn

Tăng vốn lần 1 (10/2010): Từ 50 lên 60 tỷ đồng

Tăng vốn lần 2 (09/2012): Từ 60 lên 70 tỷ đồng

Tăng vốn lần 3 (10/2015): Từ 70 lên 120 tỷ đồng

Tăng vốn lần 4 (11/2016): Từ 120 lên 150 tỷ đồng

Tăng vốn lần 5 (04/2018): Từ 150 lên 200 tỷ đồng

Tăng vốn lần 6 (12/2018): Từ 200 lên 300 tỷ đồng

Tăng vốn lần 7 (12/2019): Từ 300 lên 333 tỷ đồng

Tăng vốn lần 8 (12/2020): Từ 333 lên 366.298.650.000 đồng.

Tăng vốn lần 9 (03/2023): Từ 366.298.650.000 đồng lên 600 tỷ đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023

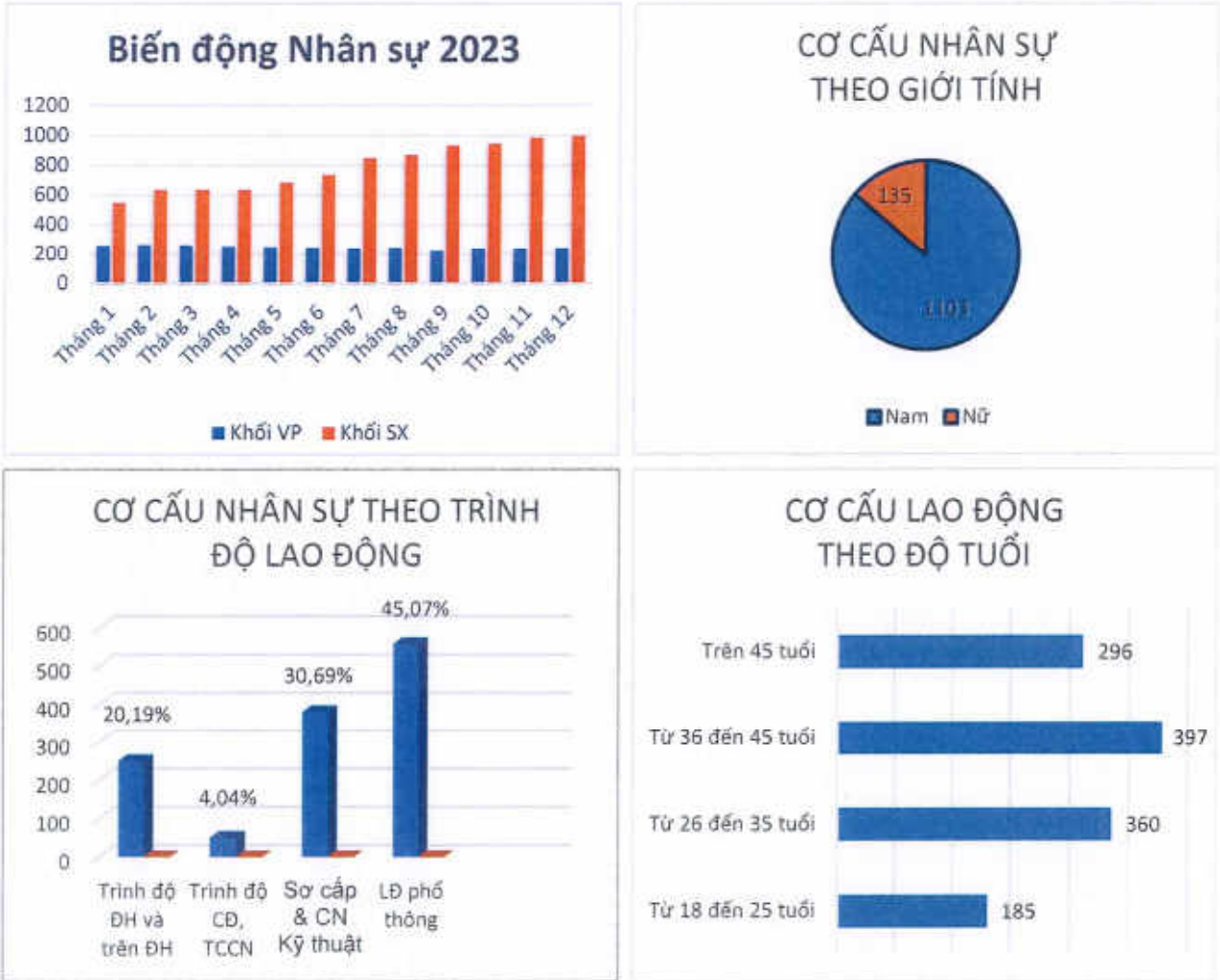
1.1 Tình hình tăng vốn chủ sở hữu: KHÔNG

1.2 Đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị

Trong năm 2023 và một phần cho kế hoạch năm 2022, tổng mức đầu tư của Công ty là 179.114.896.532 đồng, trong đó:

- Xây dựng nhà xưởng khu 2: 138.667.023.775 đồng.
- Gia công chế tạo giá kê Bán thành phẩm: 31.829.683.821 đồng.
- Các hạng mục khác: 8.618.188.936 đồng

1.3 Nhân lực: Số lượng nhân viên tại 31/12/2023 là 1.238 người



Do đặc thù của ngành cơ khí, lực lượng lao động chủ yếu có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật, lao động trực tiếp và giới tính nam chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhân lực. Công ty luôn hướng đến một môi trường vì người lao động, ngày càng tập trung vào khâu đào tạo, tuyển dụng nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng lao động, gia tăng bình đẳng giới của doanh nghiệp.

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở AMECC mặc dù được chú trọng nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển khá nóng của doanh nghiệp.

Trong năm 2023, tổng cộng đã triển khai hơn 104 khóa đào tạo nội bộ trong công ty và một số khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ ở bên ngoài công ty. Công ty đã triển khai ứng dụng phần mềm BASE PLATFORM giai đoạn 2 chuyên sâu và đi vào vận hành, các hệ thống quản lý và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều bất cập, cần tiếp tục phải được nâng cấp và tối ưu hóa trong năm 2024.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại vẫn đang tìm kiếm xây dựng đội ngũ những cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt.

1.4 Thực trạng đầu tư kinh doanh tại Myanmar

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh AMECC - Myanmar Shipyard với giá trị thực tế đã góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 VNĐ trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000USD tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là đến 22/6/2021. Việc tiếp tục thực hiện đầu tư đang dừng lại do chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài, do đó những thoả thuận ban đầu trong Bản cam kết giữa các bên góp vốn đều chưa thực hiện được.

Năm 2021, khoản đầu tư này được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT Công ty. Giá trị thanh toán ban đầu là bù trừ với tiền Công ty vay ông Nghĩa.

Riêng đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, do dịch bệnh và bất ổn chính trị nên đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ cuối năm 2021 đến hết năm 2022. Năm 2023 đã bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại cho tới hiện nay.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2023 (Tỷ đồng)	Năm 2022 (Tỷ đồng)	Tăng giảm (%)
1	Giá trị sản lượng	3.401,71	3.036,53	12,03%
2	Doanh thu	3.003,59	2.621,44	14,58%
3	Lợi nhuận sau thuế	52,49	38,67	35,74%
4	Thuế TNDN phải nộp	11,36	12,54	90,59%

5	Tổng Tài sản	3.349,79	2.779,25	20,53%
6	Vốn chủ sở hữu	787,09	498,29	57,96%

Trong năm 2023, nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục sau đại dịch và chiến tranh, AMECC cũng đã nỗ lực tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế, doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 3.003,59 tỷ, trong đó 100% đến từ công ty mẹ là Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC do công ty con là Công ty TNHH AMECC MYANMAR vẫn đang trong quá trình tái thiết lập bộ máy nên chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào trong kỳ. Cùng với sự tăng trưởng doanh thu là sự tăng trưởng mạnh về lợi nhuận sau thuế (35,74%) và số thuế TNDN phải nộp ngân sách là 11,36 tỷ đồng.

Để phục vụ việc phát triển công tác sản xuất kinh doanh, tổng tài sản của công ty cũng đã tăng 20,53% từ 2.779,25 tỷ lên 3.349,79 tỷ, chủ yếu do đầu tư tài sản và tích trữ hàng tồn kho nhằm chủ động trong sản xuất, tránh ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan đến các đơn hàng đã ký trong năm 2023. Bên cạnh đó vốn chủ sở hữu cũng tăng 57,96% do công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn trong tháng 3 năm 2023.

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài sản

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023

Chỉ tiêu	2023		2022		Tăng giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản Ngắn hạn	2.403.855.925.590	71,76%	1.969.901.696.306	70,88%	+ 22,03%
B. Tài sản Dài hạn	945.931.106.801	28,24%	809.353.285.718	29,12%	+ 16,87%
Tổng tài sản	3.349.787.032.391		2.779.254.982.024		+ 20,53%

Năm 2023, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản tăng 0,88% so với năm 2022. Mức tăng này là phù hợp với việc gia tăng hàng tồn kho và các tài sản lưu động khác để áp ứng tình hình kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ, nhất là ở nửa cuối năm 2023. Tổng tài sản năm 2023 đã tăng 20,53% so với năm 2022 thể hiện ở giá trị tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn cùng gia tăng lần lượt là 22,03% và 16,87%. Điều này cho thấy công ty bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh đã chú trọng đến việc đầu tư tài sản dài hạn để làm tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

3.2 Tình hình nợ phải trả

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023

Chỉ tiêu	2023		2022		Tăng giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ NH	2.297.354.939.502	89,64%	1.937.208.852.454	84,93%	+18,59%
B. Nợ DH	265.339.628.470	10,36%	343.757.346.139	15,07%	-22,81%
Tổng Nợ phải trả	2.562.694.567.972		2.280.966.198.593		12,35%

So với năm 2022, nợ ngắn hạn trong năm 2023 của công ty đã tăng 18,59%, chủ yếu là do khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn và Vay ngắn hạn cùng tăng theo tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Hai chỉ tiêu này tăng mạnh vào thời điểm cuối năm 2023, do công ty ký kết thêm các hợp đồng lớn vào nửa cuối năm và có nhu cầu vốn lớn ở giai đoạn đầu triển khai dự án.

Nợ dài hạn năm 2023 giảm 22,81% so với năm 2022 tuy nhiên tổng nợ phải trả vẫn tăng 12,35%, cho thấy nhu cầu vốn rất lớn của công ty.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Nhằm thích ứng với những khó khăn do hậu quả của đại dịch Covid cũng như xung đột địa chính trị ở Châu Âu, AMECC đã tiến hành tái cơ cấu bộ máy điều hành doanh nghiệp,

đầu tư MMTB và ứng dụng mạnh mẽ KHCN vào sản xuất và quản lý, bước đầu đã có tín hiệu tích cực.

Nhiều chính sách qui định về khoán, kiểm soát và tối thiểu hóa về chi phí, đã và đang được nghiên cứu áp dụng, nhằm tăng công suất, năng suất lao động cũng như giảm thiểu các tác động do ngoại cảnh mang lại.

Để đảm bảo phát triển tăng trưởng ổn định và bền vững, công ty tiếp tục chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm cả đào tạo nội bộ và đào tạo nâng cao, thử nghiệm luân chuyển cũng như qui hoạch cán bộ cho các vị trí chủ chốt, chủ động ứng biến với thay đổi của thị trường cũng như nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

5. Phương hướng phát triển

Dự báo năm 2024 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của công ty trong năm 2023, AMECC định hướng kế hoạch SXKD như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
	DOANH THU, trong đó:	Tỷ đồng	3.350
1	Gia công chế tạo	Tỷ đồng	2.082
2	Công trình tại công trường	Tỷ đồng	22
3	Thương mại	Tỷ đồng	1.246

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 2.104 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở các hợp đồng đã ký trong năm 2023 nhưng mới thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện chuyển sang 2024 cũng như mục tiêu tìm kiếm thêm 460 tỷ đồng từ các dự án sẽ ký trong năm 2024. Theo mục tiêu kế hoạch doanh thu, mức lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024 sẽ là 83,70 tỷ đồng, do việc cắt giảm tối ưu hóa chi phí vận hành-sản xuất và giảm chi phí lãi vay do tăng vốn điều lệ.

Để đạt được các mục tiêu nói trên, doanh nghiệp tiếp tục triển khai các giải pháp như sau:

5.1 Đẩy mạnh phát triển doanh thu

- Chuẩn bị tốt và tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh từ việc dịch chuyển chuỗi cung ứng gia công chế tạo từ Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, ... về Việt Nam.
- Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để đáp ứng các hợp đồng đã ký.
- Mạnh dạn mở rộng dải sản phẩm gia công chế tạo, để gia tăng lượng khách hàng đến với AMECC qua đó lựa chọn được thêm các sản phẩm/khách hàng tốt tạo doanh thu ổn định lâu dài, như các hợp đồng module, skid thiết bị,
- Tiếp cận các dự án năng lượng sạch và công nghiệp, hạ tầng mà AMECC có lợi thế.

5.2 Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận

- Mục tiêu trong năm 2024, AMECC tiếp tục mở rộng hệ thống đối tác kinh doanh dài hạn, đàm phán các cơ chế hài hòa lợi ích các bên nhằm tối ưu hóa chi phí so với năm 2023.
- Chuyên sâu các giải pháp tài chính, khai thác linh hoạt các công cụ và dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, nhằm mục tiêu giảm thiểu và tối ưu hóa chi phí vốn, hướng tới giảm chi phí lãi vay bình quân năm 2024 xuống còn 9% (năm 2023 đang thực hiện là 10,5%).

5.3 Đào tạo nguồn nhân lực

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ;
- Nâng cấp hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống đánh giá KPI của doanh nghiệp.

Kiến toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm- Người kiểm tra giám sát, xây dựng qui hoạch hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.

5.4 Đầu tư MMTB và áp dụng KHCN

- Đầu tư trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại, tăng công suất và năng suất các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.
- Đầu tư phát triển và tự chủ nhiều sản phẩm, bán thành phẩm cơ khí chính xác, mà trước đây AMECC phải thuê gia công ngoài hoặc phải mua sắm.

- Đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu để nghiên cứu các giải pháp công nghệ, biện pháp thi công tối ưu, nhằm tăng năng suất lao động và giảm chi phí cũng như thời gian.

5.5 Bổ sung vốn lưu động

Doanh thu mục tiêu năm 2023 của công ty AMECC là 3.350 tỷ đồng với mức lợi nhuận mục tiêu là 10% cho các hợp đồng gia công chế tạo và 3% cho các hợp đồng thương mại. Do đó, dự kiến chi phí trong năm sẽ như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu (tỷ đồng)	Chi phí dự kiến (tỷ đồng)
Tổng	3.350,00	3.108,45
Gia công chế tạo	2.104,00	1.893,60
Thương mại	1.246,00	1.214,85

Đối với các hợp đồng hiện tại AMECC đang ký, mức tạm ứng của khách hàng thông thường sẽ là 10% giá trị hợp đồng. Theo các thỏa thuận với ngân hàng đối tác, ngân hàng sẽ tài trợ tới 70% giá trị hợp đồng trừ đi tạm ứng (tương đương tầm 60% giá trị hợp đồng). Theo đó, nhu cầu vốn tự có của doanh nghiệp sẽ là:

Đơn vị: tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Tổng tài trợ ngân hàng	Khách hàng tạm ứng	Nhu cầu vốn tự có cả năm
Tổng	3.350,00	3.108,45	2.010,00	335,00	763,45
Gia công chế tạo	2.104,00	1.893,60	1.262,40	210,40	420,80
Thương mại	1.246,00	1.214,85	747,60	124,60	342,65

Chu kỳ kinh doanh hiện tại của AMECC là khoảng 2,75 vòng 1 năm, ước tính là chu kỳ kinh doanh thương mại là 3,5 vòng và chu kỳ kinh doanh cho mảng gia công chế tạo là 2,0 vòng. Như vậy, nhu cầu vốn lưu động theo thời điểm của doanh nghiệp sẽ là:

Đơn vị: tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Chu kỳ kinh doanh (vòng)	Ngân hàng tài trợ	Nhu cầu vốn tự có
Tổng	3.350,00	3.108,45		844,80	449,10
Gia công chế tạo	2.104,00	1.893,60	2,0	631,20	315,60
Thương mại	1.246,00	1.214,85	3,5	213,60	133,50

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông.

Năm 2023, Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của AMECC và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2024.

Dưới đây là một số các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2023 của công ty mẹ:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh
	Doanh thu, trong đó:	2.800,00	3.003,59	107,27%
1.	Gia công chế tạo	1.800,00	1.642,33	91,24%
2.	Thương mại	1.000,00	1.361,26	136,13%

So với kế hoạch đề ra, doanh thu năm 2023 đã tăng 7,27%, số liệu này cho thấy năm 2023 công ty mẹ đã đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm trước, tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu chưa đạt như mong đợi, nhưng cũng là bước tiến triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa thời kỳ nhiều biến động về dịch bệnh, lạm phát.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng giám đốc. HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 01 buổi họp cùng ĐHĐCĐ và 11 buổi họp Hội đồng quản trị.

2.1 Kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2023

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2023, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của

Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khó khăn từ hậu quả của đại dịch bệnh Covid-19 cũng như xung đột địa chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các giải pháp, biện pháp chủ động ứng biến và thích nghi với tình hình thực tế.

2.2 Kết luận

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Công ty

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

3.1 Định hướng trung và dài hạn

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế;
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế;
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho năm 2024.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững;
- Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

3.2 Chi tiêu kế hoạch năm 2024 của Công ty CP Cơ khí Xây dựng AMECC

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2024
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	3.846,04
2	Giá trị Doanh thu	Tỷ đồng	3.350,60
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	83,70
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	20,92
5	Tổng số lao động bình quân	Người	1.450
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	100 - 120
7	Chi trả cổ tức (%VĐL)	%	5%~10%

3.3 Phương hướng thực hiện

- Đẩy mạnh phát triển doanh thu.
- Gia tăng doanh thu sản xuất gia công chế tạo và tối ưu hóa chi phí để tăng lợi nhuận
- Tuyển dụng và đào tạo nhân sự chất lượng cao
- Đa dạng hóa, cơ cấu lại nguồn vốn huy động để tối ưu chi phí tài chính.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (25/05/2023) và 11 cuộc họp HĐQT.

1.1 Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	10.392.000	17,32%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT Tổng giám đốc	11.454.614	19,09%
3	Ông Kikugawa Tetsuya	TV HĐQT	0	0
4	Ông Inoue Yuji	TV HĐQT	0	0
5	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	550.000	0,92%
6	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	560.000	0,93%
7	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	143.620	0,24%

1.2 Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	11	100%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, Tổng giám đốc	11	100%
3	Ông Kikugawa	TV HĐQT	11	100%
4	Ông Inoue Yuji	TV HĐQT	11	100%
5	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	11	100%
6	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	11	100%
7	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	11	100%

1.3 Đánh giá của HĐQT trong năm 2023

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên của năm 2023 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ.

HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo và kế hoạch tăng vốn điều lệ. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện

1.4 Các nghị quyết của HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/2023/NQ- HĐQT-AMECC	19/01/2023	Xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền mua trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2022 (ESOP 2022)	100%
2.	02/2023/NQ- HĐQT-AMECC	25/02/2023	Thay đổi và bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh	100%

3.	03/2023/NQ-HDQT-AMECC	21/03/2023	<p>1. Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMECC ngày 16/11/2022;</p> <p>2. Sửa đổi Khoản 2,3, Điều 12 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty về việc hiệu chỉnh Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng);</p> <p>3. Thông qua việc cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm (từ 20/03/2023 đến hết ngày 20/03/2024) đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;</p> <p>4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với 22.164.135 cổ phiếu đã chào bán riêng lẻ thành công đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.</p>	100%
4.	04/2023/NQ-HDQT-AMECC	27/03/2022	<p>Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023</p>	100%

Báo cáo thường niên AMS 2023

5.	05/2023/NQ- HĐQT-AMECC	04/04/2023	<p>Thông qua nội dung về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty, cụ thể như sau:</p> <p>1. Ngày đăng ký cuối cùng (Ngày chốt danh sách cổ đông mời dự họp): 24/04/2023</p> <p>2. Thời gian tổ chức Đại hội (dự kiến) vào ngày: 25/05/2023</p>	100%
6.	06/2023/NQ- HĐQT-AMECC	04/05/2023	<p>Thông qua nội dung các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023</p>	100%
7.	07/2023/NQ- HĐQT-AMECC	29/05/2023	<p>Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Dũng</p>	100%
8.	08/2023/NQ- HĐQT-AMECC	19/06/2023	<p>Thông qua lựa chọn CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM – Thành viên độc lập hãng kiểm toán quốc tế LEA GLOBAL là đơn vị độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC</p>	100%
9.	09/2023/NQ- HĐQT-AMECC	31/07/2023	<p>Tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Thọ, nhiệm kỳ 05 năm</p>	100%
10.	10/2023/NQ- HĐQT-AMECC	25/10/2023	<p>Thành lập Chi nhánh với tên gọi:</p>	100%

Báo cáo thường niên AMS 2023

			Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC – Chi nhánh Sơn và Chống ăn mòn AMECC Người được bổ nhiệm đứng đầu Chi nhánh: Ông Trần Hữu Phú	
11.	11/2023/NQ-HĐQT-AMECC	11/12/2023	Thành lập Chi nhánh với tên gọi: Chi nhánh Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC – Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC số 1 Người được bổ nhiệm đứng đầu Chi nhánh: Ông Dương Xuân Thái	100%

2 Ban kiểm soát**2.1 Thành viên BKS**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng BKS	0	0
2	Ông Fujiwara Norimasa	TV BKS	0	0
3	Ông Vũ Đình Thông	TV BKS	0	0

2.2 Đánh giá hoạt động của BKS năm 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện vai trò giám sát đối với các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2023. Ban Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý được hưởng thù lao theo quy định của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, cụ thể như sau:

Báo cáo thường niên AMS 2023

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	979.638.980
3	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	84.000.000
4	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	84.000.000
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT; Phó TGD	852.557.692
6	Ông Inoue Yuji	Thành viên HĐQT; Chuyên Gia QLSản xuất	280.000.000
7	Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát	339.015.384

3.1 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ đăng ký trong năm 2023

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	4.510.000	12,31%	10.392.000	17,32%	Mua 5.882.000 CP, Lý do: Theo chương trình chào bán CP Riêng lẻ

Báo cáo thường niên AMS 2023

2.	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	5.122.479	13,98%	11.454.614	19,09%	Mua 6.332.135 CP, Lý do: Theo chương trình chào bán CP Riêng lẻ
3.	Sankyu INC.	Cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần	11.000.000	30,03%	21.030.000	35,05%	Mua 10.030.000 CP, Lý do: Theo chương trình chào bán CP Riêng lẻ
4.	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	103.620	0,28%	143.620	0,24%	Mua 40.000 CP, Lý do: Theo Phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2022
5.	Ông Nguyễn Hữu Phong	Kế toán trưởng	270.050	0,74%	275.050	0,46%	Mua: 5.000 CP, Lý do: Theo Phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2022
6.	Bà Đinh Phương Thảo	Người CBTT	500	0,0014%	1500	0,01%	Đăng ký mua: 1.000 CP, Lý do: Theo Phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2022

3.2 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

3.3 Tăng cường quản trị, tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông

- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ điện năng

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
Khối sản xuất	9.081.728.439	6.634.176.953
Khối văn phòng	812.737.180	421.944.924

2. Tiêu thụ nước

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
Khối sản xuất	222.118.875	955.201.954
Khối văn phòng	88.518.375	128.885.625

3. Chính sách với người lao động:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động là: 1.238 người

Mức lương bình quân: 14.8 triệu/người/tháng

4. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài các chế độ chính sách quy định của Nhà nước, Công ty xây dựng các nội quy, quy chế thực hiện tốt mọi chế độ cho người lao động, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động như: Quy chế trả lương, thưởng, thăm hỏi ốm đau; Chế độ lao động độc hại, thời gian làm việc, cơ sở và điều kiện làm việc; công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp... .

5. Hoạt động đào tạo người lao động

Tăng cường hướng dẫn, đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo ngắn hạn đội ngũ quản lý, kỹ sư kỹ thuật, các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; công nhân lành nghề đáp ứng các yêu cầu

Báo cáo thường niên AMS 2023

sản xuất hiện tại cũng như định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo. Tạo điều kiện cho CBCNV đi thăm quan các cơ sở trong và ngoài nước về mô hình SXKD; đào tạo ngắn hạn cho các kỹ sư về quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng các phần mềm trong quá trình SXKD của công ty.

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ
- Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động
- Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng - Người làm - Người kiểm tra giám sát, xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023

(Được đính kèm theo Báo cáo Thường niên này)

CÔNG TY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 53
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	.09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 53

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISEMCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/02/2008. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với lần thay đổi gần nhất được cấp ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Inoue Yuji	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2023)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2023)

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng ban	
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2023)
Ông Vũ Đình Thông	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

ngày 08 tháng 04 năm 2024
TM. Ban Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thọ

Số: 0804.02-24/BC-TC/VAE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được lập ngày 08 tháng 04 năm 2024, từ trang 6 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 8c) của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có một khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards ("Công ty Liên doanh") ở nước Cộng hòa Liên bang Myanmar ("Myanmar") với giá gốc khoản đầu tư là 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và kết luận không cần trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng đầy đủ và phù hợp làm cơ sở cho việc không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để xác minh giá trị của khoản dự phòng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm số liệu so sánh), và ảnh hưởng có liên quan (nếu có) đối với chỉ tiêu dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, chi phí tài chính, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30 tháng 03 năm 2023.
- Báo cáo kiểm toán độc lập này thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành số 2803.07-24/BC-TC/VAE ngày 28 tháng 03 năm 2024 sau khi Công ty điều chỉnh chỉ tiêu Mã số 131, 132, 311, 312 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thông tin trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng do lỗi cập nhật số dư chi tiết của các đối tượng khách hàng và nhà cung cấp.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá



Nguyễn Quang Trung

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1938-2023-034-1

Kiểm toán viên

Trần Hồng Nhật

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4399-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.403.855.925.590	1.969.901.696.306
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	219.535.818.730	186.014.226.368
111	1. Tiền		143.487.719.933	99.996.215.520
112	2. Các khoản tương đương tiền		76.048.098.797	86.018.010.848
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8	46.950.072.235	92.823.972.425
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.950.072.235	92.823.972.425
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.160.683.997.767	690.540.763.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	521.915.021.900	536.941.964.766
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	87.039.287.482	112.231.119.662
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	509.350.839.015	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	11.498.360.072	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	97.952.358.646	97.612.771.295
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(67.071.869.348)	(56.245.092.120)
140	IV. Hàng tồn kho	11	957.315.310.985	969.216.335.981
141	1. Hàng tồn kho		962.486.740.838	969.216.335.981
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.171.429.853)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.370.725.873	31.306.397.929
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	3.050.945.616	4.826.419.059
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.318.852.665	26.479.051.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	927.592	927.592
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		945.931.106.801	809.353.285.718
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.326.553.067	5.129.304.410
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	5.326.553.067	5.129.304.410
220	II. Tài sản cố định		497.990.877.845	495.313.051.511
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	194.906.644.475	314.624.414.082
222	- Nguyên giá		417.617.328.863	530.885.870.644
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(222.710.684.388)	(216.261.456.562)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	269.983.273.998	146.065.383.629
225	- Nguyên giá		330.615.980.732	186.477.210.279
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.632.706.734)	(40.411.826.650)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	33.100.959.372	34.623.253.800
228	- Nguyên giá		48.715.876.397	48.715.876.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.614.917.025)	(14.092.622.597)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	179.114.896.532	116.221.923.101
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		179.114.896.532	116.221.923.101
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	8	248.741.223.219	181.010.173.370
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		78.457.278.814	11.145.634.667
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		162.543.944.405	163.643.944.405
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.740.000.000	6.220.594.298
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.757.556.138	11.678.833.326
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	429.456.405	690.673.813
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34	14.328.099.733	10.988.159.513
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.349.787.032.391	2.779.254.982.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.562.694.567.972	2.280.966.198.593
310	I. Nợ ngắn hạn		2.297.354.939.502	1.937.208.852.454
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	332.900.137.250	560.281.199.696
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	409.898.591.889	239.858.074.241
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	22.155.884.358	25.491.521.463
314	4. Phải trả người lao động		20.940.715.746	21.190.013.873
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	95.621.992.460	1.836.564.672
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		35.000.000	1.545.573.369
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	149.880.545.861	352.815.316.115
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.255.994.041.400	733.219.228.337
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	9.903.843.350	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		24.187.188	971.360.688
330	II. Nợ dài hạn		265.339.628.470	343.757.346.139
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	96.803.412.954	136.803.412.954
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	168.536.215.516	206.953.933.185
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		787.092.464.419	498.288.783.431
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	787.092.464.419	498.288.783.431
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	366.298.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	366.298.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.255.000.000)	(3.025.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		460.911.386	(2.378.845.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.297.552.322	54.297.552.322
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.589.000.711	83.096.426.109
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		83.096.426.109	44.429.254.357
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		52.492.574.602	38.667.171.752
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.349.787.032.391	2.779.254.982.024

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phong

Hải Phòng, ngày 08 tháng 04 năm 2024



Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	3.003.591.091.488	2.621.440.531.923
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.003.591.091.488	2.621.440.531.923
11	3. Giá vốn hàng bán	27	2.756.642.522.030	2.409.684.635.675
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		246.948.569.458	211.755.896.248
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	28	20.670.909.090	11.840.187.599
22	6. Chi phí tài chính	29	105.603.808.617	74.122.172.300
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		99.040.717.578	61.365.416.068
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		61.804.147	227.799.725
25	8. Chi phí bán hàng		3.381.024.966	24.981.478.118
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	91.630.198.282	66.614.661.136
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.066.250.830	58.105.572.018
31	11. Thu nhập khác	31	11.173.789.719	3.423.381.975
32	12. Chi phí khác	32	21.803.061.193	9.132.372.056
40	13. Lợi nhuận khác		(10.629.271.474)	(5.708.990.081)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.436.979.356	52.396.581.937
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	11.361.476.743	12.538.294.772
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	(7.417.071.989)	1.191.115.413
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		52.492.574.602	38.667.171.752
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		52.492.574.602	38.667.171.752
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1.032	1.056

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phong



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	56.436.979.356	52.396.581.937
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	54.400.832.017	47.636.719.738
03	- Các khoản dự phòng	25.902.050.431	5.331.441.742
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.208.401.430	1.310.657.394
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(11.013.051.981)	(7.962.894.849)
06	- Chi phí lãi vay	99.040.717.578	61.365.416.068
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	230.975.928.831	160.077.922.030
09	- Tăng các khoản phải thu	(461.121.532.480)	(231.309.327.825)
10	- Tăng hàng tồn kho	(8.381.068.121)	(156.242.582.819)
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(200.442.686.161)	338.058.284.010
12	- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	2.036.690.851	(2.614.172.744)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(99.040.717.578)	(61.365.416.068)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(17.599.095.672)	(10.411.351.595)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(947.173.500)	(550.459.609)
20	(Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào)/Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(554.519.653.830)	35.642.895.380
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(178.699.538.230)	(131.618.405.412)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	78.714.246.857	15.196.880.503
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(108.908.660.072)	(118.463.855.479)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	141.764.794.488	104.174.705.310
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(67.311.644.147)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.100.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.898.062.551	1.781.558.329
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào	(126.442.738.553)	(128.929.116.749)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	233.471.350.000	-
33	2. Tiền thu đi vay	2.299.102.122.619	1.633.126.570.877
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(1.787.719.670.868)	(1.427.773.014.279)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
35 4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(30.438.134.152)	(3.839.319.208)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		714.415.667.599	201.514.237.390
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		33.453.275.216	108.228.016.021
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		186.014.226.368	77.714.662.566
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		68.317.146	71.547.781
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	219.535.818.730	186.014.226.368

Người lập biểu

Vũ Thị Phương Hào

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phong

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISEMCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/02/2008. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với lần thay đổi gần nhất được cấp ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983 thay đổi lần thứ 21 ngày 30/03/2023 thì Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng chẵn), tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là AMS.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Gia công chế tạo kết cấu thép và thiết bị;
- Sản xuất sản phẩm mạ kẽm, nhúng nóng;
- Xây dựng và lắp đặt các hạng mục dự án;
- Tổng thầu/Nhà thầu EPC các dự án dân dụng và công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Công con duy nhất là Công ty TNHH Amecc Myanmar có trụ sở tại Myanmar. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Mẫu số B 09 - DN/HN

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Hải Phòng	23,50%	23,50%	Kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	Hải Phòng	20,40%	20,40%	Sản xuất, dịch vụ

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC số 1	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
2. Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC số 2	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
3. Chi nhánh Xây dựng dân dụng và Công nghiệp AMECC	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
4. Chi nhánh Sơn và Chống ăn mòn AMECC	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
5. Chi nhánh AMECC 1	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
6. Chi nhánh AMECC - Module	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	127B Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hà Nội	Phường Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
3. Trung tâm Tư vấn thiết kế AMECC	Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2023 là 1.238 người (tại 31/12/2022: 850 người).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Amecc Myanmar cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (được chuyển đổi sang đồng VND theo nguyên tắc nêu tại Thuyết minh 2.4). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2.4 . Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Công ty con là Công ty TNHH Amecc Myanmar sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng Giám đốc công ty con cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

2.5 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

10
C
Á
M
VI
GI

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.9 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.10 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình/dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Chi phí giải phóng mặt bằng	50 năm
- Phần mềm quản lý	4 - 20 năm

2.12 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 36 tháng.

2.14 . Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

2.15 . Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

2.18 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

2023
ÔN
NHIỆ
DÀN
T
T

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Mẫu số B 09 - DN/HN

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền	143.487.719.933	99.996.215.520
Tiền mặt	7.134.442.002	7.839.761.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	136.353.277.931	92.156.454.039
Các khoản tương đương tiền (*)	76.048.098.797	86.018.010.848
Cộng	219.535.818.730	186.014.226.368

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn với thời gian thu hồi còn lại dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,2%/năm đến 7,8%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn BHI Co., Ltd	68.785.082.722	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam	32.766.590.231	-	53.984.006.858	-
Esindus S.A.U (Member of Hamon Group)	91.688.717.424	-	75.342.899.713	-
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	29.247.309.360	-	5.637.593.391	-
Samsung Engineering Co., Ltd	-	-	26.234.888.940	-
Kirchner Italia S.p.A	-	-	80.484.824.636	-
Vogt Power International (VPI)	28.899.444.621	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ Xanh	6.363.439.101	-	321.540.330	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ khí Thương mại Trường An	-	-	25.602.736.664	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	-	-	20.773.991.335	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.342.382.738	-	18.342.382.738	-
Các khách hàng khác	16.413.420.603	-	20.429.783.923	-
Cộng	229.408.635.100	(67.071.869.348)	209.787.316.238	(56.245.092.120)
	521.915.021.900	(67.071.869.348)	536.941.964.766	(56.245.092.120)

	Mẫu số B 09 - DN/HN	
b) Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	432.768.118	1.108.000.001

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Arsen International (HK) Limited	15.298.291.656	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 12	11.874.260.299	-	11.874.260.299	-
ULTENG Company	536.251.125	-	9.869.113.605	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Phát triển Hoàng Mai	6.518.731.719	-	6.518.739.324	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Đỏ	437.915.000	-	32.562.085.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kiến Phát	3.485.236.454	-	3.485.236.454	-
Các đối tượng khác	48.888.601.229	-	47.921.684.980	-
Cộng	87.039.287.482	-	112.231.119.662	-

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu (*)	11.498.360.072	-	-	-
Cộng	11.498.360.072	-	-	-
Trong đó: Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	11.498.360.072	-	-	-

(*) Khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu ("GMC") theo Hợp đồng số 1603/2023/HĐVT/AMECC-GMC ngày 16/03/2023, không có tài sản bảo đảm, lãi suất 0%, thời hạn vay từ ngày 16/03/2023 đến khi GMC có doanh thu.

7 . PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Liên danh MC-HDEC- CC1	446.657.821.269	-	-	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	28.118.400.000	-	-	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (ii)	343.783.494.201	-	-	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (iii)	74.755.927.068	-	-	-
Joint Venture of Samsung Engineering CO.,LTD and CTCI Corporation (SCJV)	62.693.017.746	-	-	-
- Dự án hoá dầu Qatar Ras Laffan (RLP) - Nhà máy Ethylene (iv)	62.693.017.746	-	-	-
Cộng	509.350.839.015	-	-	-

Đây là các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng từ các hợp đồng sau:

STT	Tên khách hàng	Tên dự án	Hàng hoá/dịch vụ đã cung cấp
(i)	Liên danh MC-HDEC-CC1	Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1	Lắp đặt bồn tại hiện trường
(ii)	Liên danh MC-HDEC-CC1	Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1	Kết cấu thép, silo chứa than và thiết bị phụ trợ cho nồi hơi (Unit 1)
(iii)	Liên danh MC-HDEC-CC1	Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 2	Kết cấu thép, silo chứa than và thiết bị phụ trợ cho nồi hơi (Unit 2)
(iv)	Joint Venture of Samsung Engineering CO.,LTD and CTCI Corporation (SCJV)	Dự án hoá dầu Qatar Ras Laffan (RLP) - Nhà máy Ethylene	Module

Theo các hợp đồng này, Công ty có quyền tự xác định và yêu cầu khách hàng thanh toán tương ứng với giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ kế hoạch.

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	46.950.072.235	-	92.823.972.425	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	46.950.072.235	-	48.672.428.525	-
- Trái phiếu	-	-	44.151.543.900	-
Dài hạn	7.740.000.000	-	6.220.594.298	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.940.000.000	-	5.820.594.298	-
- Trái phiếu (ii)	800.000.000	-	400.000.000	-
Cộng	54.690.072.235	-	99.044.566.723	-

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với thời gian thu hồi còn lại trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 7% năm, được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (giá trị hợp đồng tiền gửi cầm cố cho các khoản vay là 23,98 tỷ VND (Chi tiết xem Thuyết minh số 17).

(ii) Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm.

b) Đầu tư công ty liên doanh, liên kết

	Địa chỉ	31/12/2023			01/01/2023		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Hải Phòng	23,50%	23,50%	11.206.730.852	23,50%	23,50%	11.145.634.667
- Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toán Cầu (i)	Hải Phòng	20,42%	20,42%	67.250.547.962			-
Cộng				78.457.278.814			11.145.634.667

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
c) Đầu tư vào đơn vị khác	162.543.944.405		-	163.643.944.405		-
- Công ty Cổ phần Lisemco 3	100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Lisemco 5	100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Amecc GT	6.920.000.000	(*)	-	6.920.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Amecc miền Nam (ii)	-		-	1.100.000.000		-
- Công ty Liên doanh Amecc- Myanmar Shipyard (iii)	155.423.944.405	(*)	-	155.423.944.405	(*)	-
Cộng	<u>162.543.944.405</u>		<u>-</u>	<u>163.643.944.405</u>		<u>-</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác:

- (i) Trong năm, Công ty thực hiện góp vốn cùng các nhà đầu tư khác là Samsung Engineering Co., Ltd và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Phòng để thực hiện dự án đầu tư "Trung tâm Module Toàn Cầu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3200521351 ngày 28 tháng 11 năm 2022. Dự án đầu tư này thực hiện thành lập pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã góp 67.249.840.000 VND (đạt tỷ lệ 100%) vào Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 20,42%.
- (ii) Trong năm, Công ty thực hiện thoái toàn bộ 110.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Amecc miền Nam, tổng giá trị chuyển nhượng là 1,1 tỷ VND, không phát sinh lãi/lỗ từ giao dịch thoái khoản đầu tư này.

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard (gọi tắt là "Công ty Liên Doanh"): Tại ngày 31/12/2023, số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND, đạt tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và kết luận không cần trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh.



Đầu tư dài hạn khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lisemco 3	Hải Phòng	(*)	(*)	Lắp máy, chế tạo
Công ty Cổ phần Lisemco 5	Hải Phòng	(*)	(*)	Lắp máy, chế tạo
Công ty Cổ phần Amecc GT	Hải Phòng	11,53%	11,53%	Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép
Công ty Liên doanh Amecc- Myanmar Shipyard	Myanmar	15,00%	15,00%	Đóng tàu

(*) Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa thu thập đầy đủ thông tin về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết.

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Ký quỹ, ký cược	49.975.513.763	-	66.448.906.629	-
Tạm ứng	22.557.885.197	-	21.225.817.529	-
Phải thu khác	25.418.959.686	-	9.938.047.137	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Phải thu thuế GTGT	4.936.744.896	-	4.877.783.520	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Phải thu thuế GTGT	5.851.098.987	-	1.819.351.540	-
- Các khoản phải thu khác	14.631.115.803	-	3.240.912.077	-
Cộng	97.952.358.646	-	97.612.771.295	-

9 . PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.326.553.067	-	5.129.304.410	-
Cộng	5.326.553.067	-	5.129.304.410	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	80.731.132.290	13.659.262.942	85.141.730.138	28.896.638.018
Phải thu khách hàng	80.731.132.290	13.659.262.942	85.141.730.138	28.896.638.018
- Sfbogoplant Co., Ltd	-	-	16.229.108.680	5.189.016.594
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	8.421.218.254	-	8.421.218.254	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	6.981.936.919	-	6.981.936.919	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải miền Bắc	5.880.708.879	-	5.880.708.879	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nam	11.470.778.149	3.441.233.445	11.470.778.149	11.470.778.149
- Công ty TNHH HAMON Việt Nam	11.267.777.447	-	11.267.777.447	5.633.888.724
- Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty Cổ phần	4.911.802.500	-	4.911.802.500	-
- Khin Maung Nyunt Steel Products & Galvanizing Co.,Ltd	5.830.958.530	2.984.100.210	5.686.429.460	2.843.214.730
- Bilfinger Engineering and Technologies GmbH	3.576.598.329	-	3.682.902.490	1.104.870.747
- Khác	22.389.353.283	7.233.929.287	10.609.067.360	2.654.869.074
Cộng	80.731.132.290	13.659.262.942	85.141.730.138	28.896.638.018

Mẫu số B 09 - DN/HN

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	522.654.193.560	(5.171.429.853)	534.934.853.906	-
Công cụ, dụng cụ	7.810.885.109	-	19.189.258.804	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	398.124.768.906	-	415.092.223.271	-
Hàng hóa	33.896.893.263	-	-	-
Cộng	<u>962.486.740.838</u>	<u>(5.171.429.853)</u>	<u>969.216.335.981</u>	<u>-</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các vay và khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 53767920861. VND.

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	179.114.896.532	116.221.923.101
Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng khu 2	138.667.023.775	106.352.661.463
Gia công chế tạo giá kê bán thành phẩm tại Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC	31.829.683.821	-
Các công trình khác	8.618.188.936	9.869.261.638
Cộng	<u>179.114.896.532</u>	<u>116.221.923.101</u>

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá (Đã điều chỉnh)						
Số dư đầu năm	229.200.894.378	251.449.885.728	33.478.069.711	1.872.036.084	14.884.984.743	530.885.870.644
- Mua trong năm	-	3.544.249.535	4.496.327.273	1.126.946.664	-	9.167.523.472
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	352.765.620	654.353.630	-	16.629.789.435	-	17.636.908.685
- Chuyển sang hàng tồn kho Dự án Long Sơn với mục đích bán	(49.007.556.527)	-	-	-	-	(49.007.556.527)
- Chuyển đổi Báo cáo	-	-	-	-	150.405.704	150.405.704
- Thanh lý, nhượng bán	-	(86.845.865.842)	(613.727.273)	-	-	(87.459.593.115)
- Giảm khác	-	(3.756.230.000)	-	-	-	(3.756.230.000)
Số dư cuối năm	180.546.103.471	165.046.393.051	37.360.669.711	19.628.772.183	15.035.390.447	417.617.328.863
Giá trị hao mòn lũy kế (Đã điều chỉnh)						
Số dư đầu năm	70.282.534.132	118.323.953.021	24.106.549.957	1.419.097.552	2.129.321.900	216.261.456.562
- Khấu hao trong năm	9.106.442.808	15.740.091.814	2.324.975.080	4.515.992.359	970.155.444	32.657.657.505
- Chuyển sang hàng tồn kho Dự án Long Sơn với mục đích bán	(15.110.663.264)	-	-	-	-	(15.110.663.264)
- Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	24.184.395	24.184.395
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.111.052.005)	(10.898.805)	-	-	(11.121.950.810)
Số dư cuối năm	64.278.313.676	122.952.992.830	26.420.626.232	5.935.089.911	3.123.661.739	222.710.684.388
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	158.918.360.246	133.125.932.707	9.371.519.754	452.938.532	12.755.662.843	314.624.414.082
Tại ngày cuối năm	116.267.789.795	42.093.400.221	10.940.043.479	13.693.682.272	11.911.728.708	194.906.644.475

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 118510863446.5 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 92675907925. VND.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	186.477.210.279	-	186.477.210.279
- Thuê tài chính trong năm	142.136.547.053	2.002.223.400	144.138.770.453
Số dư cuối năm	328.613.757.332	2.002.223.400	330.615.980.732
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	40.411.826.650	-	40.411.826.650
- Khấu hao trong năm	20.072.144.747	148.735.337	20.220.880.084
Số dư cuối năm	60.483.971.397	148.735.337	60.632.706.734
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	146.065.383.629	-	146.065.383.629
Tại ngày cuối năm	268.129.785.935	1.853.488.063	269.983.273.998

15 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	44.042.972.877	4.672.903.520	48.715.876.397
Số dư cuối năm	44.042.972.877	4.672.903.520	48.715.876.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	12.992.863.812	1.099.758.785	14.092.622.597
- Khấu hao trong năm	960.652.584	561.641.844	1.522.294.428
Số dư cuối năm	13.953.516.396	1.661.400.629	15.614.917.025
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	31.050.109.065	3.573.144.735	34.623.253.800
Tại ngày cuối năm	30.089.456.481	3.011.502.891	33.100.959.372

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.050.945.616	4.826.419.059
Cộng	3.050.945.616	4.826.419.059
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	429.456.405	690.673.813
Cộng	429.456.405	690.673.813

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	713.472.666.526	713.472.666.526	2.179.683.887.649	1.690.270.023.520	1.202.886.530.655	1.202.886.530.655
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	293.924.255.530	293.924.255.530	971.307.144.981	925.260.880.992	339.970.519.519	339.970.519.519
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	55.802.500.855	55.802.500.855	34.385.673.384	55.802.500.855	34.385.673.384	34.385.673.384
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng	228.850.405.832	228.850.405.832	617.635.236.443	337.610.617.278	508.875.024.997	508.875.024.997
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng	37.514.217.563	37.514.217.563	178.450.733.075	107.157.857.839	108.807.092.799	108.807.092.799
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	36.980.215.669	36.980.215.669	7.623.062.444	44.603.278.113	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	39.985.670.537	39.985.670.537	242.902.289.892	159.860.715.638	123.027.244.791	123.027.244.791
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	30.112.345.528	10.113.672.764	19.998.672.764	19.998.672.764
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	91.954.455.670	31.474.249.386	60.480.206.284	60.480.206.284
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	7.200.000.000	7.200.000.000	800.000.000	8.000.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Văn Thọ	10.309.654.449	10.309.654.449	-	10.309.654.449	-	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Các cá nhân khác	2.905.746.091	2.905.746.091	4.512.946.232	76.596.206	7.342.096.117	7.342.096.117
Vay dài hạn đến hạn trả	19.746.561.811	19.746.561.811	10.954.321.258	19.746.561.811	10.954.321.258	10.954.321.258
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	42.153.189.487	-	42.153.189.487	42.153.189.487
	733.219.228.337	733.219.228.337	2.232.791.398.394	1.710.016.585.331	1.255.994.041.400	1.255.994.041.400
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	144.624.238.950	144.624.238.950	16.826.866.830	97.449.647.348	64.001.458.432	64.001.458.432
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	101.922.253.620	101.922.253.620	4.976.866.830	51.787.718.840	55.111.401.610	55.111.401.610
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	1.880.026.656	1.880.026.656	-	564.640.008	1.315.386.648	1.315.386.648
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	6.230.228.924	6.230.228.924	-	1.212.600.000	5.017.628.924	5.017.628.924
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng	3.552.749.750	3.552.749.750	-	3.195.708.500	357.041.250	357.041.250
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	700.980.000	700.980.000	-	700.980.000	-	-
- Ông Nguyễn Hữu Phong	6.250.000.000	6.250.000.000	200.000.000	6.450.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Hà	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thọ	21.888.000.000	21.888.000.000	9.450.000.000	31.338.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	82.076.256.046	82.076.256.046	106.004.145.935	30.438.134.152	157.642.267.829	157.642.267.829
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính quốc tế Chailease	8.850.262.417	8.850.262.417	-	6.644.991.421	2.205.270.996	2.205.270.996

Mẫu số B 09 - DN/HN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	57.602.942.904	57.602.942.904	21.118.036.700	16.294.226.306	62.426.753.298	62.426.753.298
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	-	21.469.251.335	16.934.767	21.452.316.568	21.452.316.568
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	15.623.050.725	15.623.050.725	63.416.857.900	7.481.981.658	71.557.926.967	71.557.926.967
	226.700.494.996	226.700.494.996	122.831.012.765	127.887.781.500	221.643.726.261	221.643.726.261
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(19.746.561.811)	(19.746.561.811)	(53.107.510.745)	(19.746.561.811)	(53.107.510.745)	(53.107.510.745)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	206.953.933.185	206.953.933.185			168.536.215.516	168.536.215.516

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Tài sản bảo đảm (*)	31/12/2023	01/01/2023
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	VND và USD	Thả nổi	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, các tài sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hàng tồn kho.	339.970.519.519	293.924.255.530

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo (*)	31/12/2023		01/01/2023
					Vay dài hạn	Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả	
					VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	VND	9,80%	2030	Đảm bảo bằng tài sản hình thành đầu tư Nhà máy thiết bị đồng bộ 5,5 HA	55.111.401.610	8.820.040.000	101.922.253.620
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	VND	12,00%	2026	03 xe ô tô (Phương tiện vận tải)	1.315.386.648	564.640.008	1.880.026.656
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	9,80%	2028	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà 998 kW	5.017.628.924	1.212.600.000	6.230.228.924
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng	VND	12,00%	2024	Tài sản máy móc thiết bị	357.041.250	357.041.250	3.552.749.750
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	VND	11,50%	2023	Tài sản máy móc thiết bị	-	-	700.980.000
Ông Nguyễn Hữu Phong	VND	9,80%	2023	Tín chấp	-	-	6.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà	VND	9,80%	2024	Tín chấp	2.200.000.000	-	2.200.000.000
Ông Nguyễn Văn Thọ	VND	12,00%	2023	Tín chấp	-	-	21.888.000.000
					64.001.458.432	10.954.321.258	144.624.238.950
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(10.954.321.258)		(19.746.561.811)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					53.047.137.174		124.877.677.139

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính. Tài sản thuê, giá trị hợp đồng thuê bao gồm nợ gốc và lãi phải trả, lãi suất và thời hạn thanh toán theo từng hợp đồng cụ thể.

(*) Trong các tài sản bảo đảm cho các hợp đồng vay nêu trên bao gồm:

- Một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 8a);
- Một số hàng tồn kho (Thuyết minh số 11);
- Một số tài sản cố định (Thuyết minh số 13).

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023		01/01/2023	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	Công ty liên kết	-	-	39.397.654.449	-
- Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	-	-	7.200.000.000	-
		-	-	32.197.654.449	-
		-	-	39.397.654.449	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	1.215.541.231	1.215.541.231	56.278.420.327	56.278.420.327
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	21.705.368.709	21.705.368.709	49.132.656.568	49.132.656.568
Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc	2.074.222.508	2.074.222.508	44.632.117.627	44.632.117.627
Marubeni-Itochu Steel Pte Ltd	27.893.396.270	27.893.396.270	25.573.323.676	25.573.323.676
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD)	39.286.879.277	39.286.879.277	39.286.879.277	39.286.879.277
Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ Xanh	-	-	27.867.053.610	27.867.053.610
Công ty TNHH Itochu Việt Nam	27.431.919.228	27.431.919.228	-	-
Công ty Cổ phần AMECC GT	35.615.060.997	35.615.060.997	19.708.664.941	19.708.664.941
Các đối tượng khác	177.677.749.030	177.677.749.030	297.802.083.670	297.802.083.670
Cộng	<u>332.900.137.250</u>	<u>332.900.137.250</u>	<u>560.281.199.696</u>	<u>560.281.199.696</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	<u>1.215.541.231</u>	<u>1.215.541.231</u>	<u>56.278.420.327</u>	<u>56.278.420.327</u>

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Liên danh MC HDEC CC1	152.381.215.794	55.850.111.193
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	75.065.907.540	75.065.907.540
Liên danh Samsung Engineering Co.,Ltd and CTCI Corporation (SCJV)	69.326.211.940	-
Samsung Engineering Co., Ltd	27.522.611.375	-
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia KT-Kinetics Technology SpA	-	24.556.062.400
PAHARPUR SPG DRY SOĞUTMA TIC. Ltd. ŞTİ, Türkiye (SPG Dry Cooling)	14.592.517.030	-
Các khách hàng khác	57.624.226.742	84.385.993.108
Cộng	<u>409.898.591.889</u>	<u>239.858.074.241</u>

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	31.692.949	2.247.855.475	2.238.203.422	-	41.345.002
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	50.457.872	48.648.171	-	1.809.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.245.289.837	11.361.476.743	17.599.095.672	-	18.007.670.908
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.214.538.677	2.731.742.000	1.480.904.980	-	2.465.375.697
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.747.847.000	2.248.708.200	-	1.499.138.800
Các loại thuế khác	-	-	1.049.884.142	909.339.892	-	140.544.250
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	927.592	-	158.627.501	158.627.501	927.592	-
	927.592	25.491.521.463	21.347.890.733	24.683.527.838	927.592	22.155.884.358

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Mẫu số B 09 - DN/HN

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	95.621.992.460	1.836.564.672
Cộng	95.621.992.460	1.836.564.672

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	317.056.619	61.381.322
Bảo hiểm xã hội	21.276.622.924	20.548.102.912
Bảo hiểm y tế	4.039.250.429	2.870.355.964
Bảo hiểm thất nghiệp	1.599.935.122	1.092.801.635
Phải trả cán bộ, công nhân viên	-	38.452.700
Cổ tức phải trả	2.250.852.576	2.250.852.576
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đông Hải Phòng - Phải trả mở L/C UPAC (i)	-	246.062.521.659
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Phòng	-	13.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng - Phải trả mở L/C UPAC (i)	2.079.421.747	3.019.421.747
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng - Phải trả mở L/C UPAC (i)	36.873.602.273	51.603.867.343
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng - Phải trả mở L/C UPAC (i)	63.297.404.280	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.146.399.891	12.267.558.257
Cộng	149.880.545.861	352.815.316.115
b) Dài hạn		
Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Tạm ứng thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	96.803.412.954	96.803.412.954
Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Vốn hợp tác kinh doanh	-	40.000.000.000
Cộng	96.803.412.954	136.803.412.954
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	100.858.968.505	139.858.968.506

(i) Đây là các khoản phải trả các ngân hàng về việc mở L/C UPAC.

(ii) Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Văn Nghĩa cho Công ty để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021. Nội dung hợp tác đầu tư là để góp vốn vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyard.

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là dự phòng phải trả tiền lương.

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Đã điều chỉnh)	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(1.611.123.912)	54.297.552.322	44.525.401.781	460.485.480.191
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	45.493.031.926	45.493.031.926
Chuyển đổi Báo cáo	-	-	(767.721.088)	-	(96.147.424)	(863.868.512)
Số dư cuối năm trước (Trước điều chỉnh hồi tố)	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(2.378.845.000)	54.297.552.322	89.922.286.283	505.114.643.605
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	(6.825.860.174)	(6.825.860.174)
Số dư đầu năm nay	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(2.378.845.000)	54.297.552.322	83.096.426.109	498.288.783.431
Tăng vốn trong năm nay (i)	233.701.350.000	(230.000.000)	-	-	-	233.471.350.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	52.492.574.602	52.492.574.602
Chuyển đổi Báo cáo	-	-	2.839.756.386	-	-	2.839.756.386
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	(3.255.000.000)	460.911.386	54.297.552.322	135.589.000.711	787.092.464.419

(i) Tăng vốn trong năm nay bao gồm:

- Tăng vốn theo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số lượng cổ phiếu là 1.206.000 cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 12,06 tỷ VND, chi phí phát hành là 29,924 triệu VND, tổng thu ròng là 12.030.075.000 VND. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này được Công ty dùng để trả nợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank).

- Tăng vốn theo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ với số lượng cổ phiếu là 22.164.135 cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 221.641.350.000 VND, chi phí phát hành là 223.075.600 VND, tổng thu ròng là 221.418.274.400 VND. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này được Công ty dùng để trả nợ trả nợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank), bổ sung vốn mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Mẫu số B 09 - DN/HN

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Thọ	114.546.140.000	19,09	51.224.790.000	13,98
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	103.920.000.000	17,32	45.100.000.000	12,31
Sankyu .Inc	210.300.000.000	35,05	110.000.000.000	30,03
Các cổ đông khác	171.233.860.000	28,54	159.973.860.000	43,67
Cộng	<u>600.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>366.298.650.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	366.298.650.000	366.298.650.000
- Vốn góp tăng trong năm	233.701.350.000	-
- Vốn góp cuối năm	<u>600.000.000.000</u>	<u>366.298.650.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.250.852.576	2.250.852.576
- Số dư cuối năm	<u>2.250.852.576</u>	<u>2.250.852.576</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	60.000.000	36.629.865
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	36.629.865
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	36.629.865

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10000. VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.297.552.322	54.297.552.322
Cộng	<u>54.297.552.322</u>	<u>54.297.552.322</u>

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- USD	2.201.141,53	874.466,35
- EUR	58,85	71,36
- Đồng Kyats	135.085,00	135.085,00

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.361.264.793.182	1.262.204.761.491
Doanh thu chế tạo, lắp đặt khác	1.642.326.298.306	1.359.235.770.432
Cộng	<u>3.003.591.091.488</u>	<u>2.621.440.531.923</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<u>59.146.433.669</u>	<u>36.210.939.103</u>

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	1.340.048.581.489	1.209.662.690.058
Giá vốn chế tạo, lắp đặt khác	1.416.593.940.541	1.200.021.945.617
Cộng	<u>2.756.642.522.030</u>	<u>2.409.684.635.675</u>

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	6.898.062.551	5.938.224.910
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.772.846.539	5.901.962.689
Cộng	<u>20.670.909.090</u>	<u>11.840.187.599</u>

Mẫu số B 09 - DN/HN

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	99.040.717.578	61.365.416.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.563.091.039	12.756.756.232
Cộng	105.603.808.617	74.122.172.300
Trong đó: Chi phí tài chính trả cho các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)</i>	999.999.999	6.199.999.993

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.063.609.843	3.961.048.559
Chi phí nhân công	58.201.841.478	35.220.775.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.480.055.449	3.676.707.117
Thuế, phí và lệ phí	2.550.266.590	7.191.239.157
Chi phí dự phòng	12.393.680.865	5.331.441.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.759.692.248	7.304.862.081
Chi phí khác bằng tiền	5.181.051.809	3.928.586.962
Cộng	91.630.198.282	66.614.661.136

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.114.989.430	1.796.870.214
Thu các khoản nợ phải trả đã xác nhận với đối tác là không còn nghĩa vụ phải trả	4.247.654.736	-
Tiền thưởng/đền bù thu được của các dự án	695.544.725	-
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ	399.517.978	-
Các khoản khác	1.716.082.850	1.626.511.761
Cộng	11.173.789.719	3.423.381.975

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH, lãi, phạt vi phạm hành chính	1.535.941.874	1.445.627.755
Chi phí khấu hao TSCĐ của Dự án Long Sơn trong thời gian tạm dừng hoạt động	2.450.377.827	4.900.755.653
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ	107.089.990	2.777.605.050
Lãi chậm trả và phí trọng tài theo phán quyết của trọng tài	6.402.941.727	-
Xử lý tài sản thiếu kiểm kê không rõ nguyên nhân	318.817.355	-
Tổn thất các khoản phải thu được xác định là không thu hồi được	10.870.748.305	-
Các khoản khác	117.144.115	8.383.598
Cộng	21.803.061.193	9.132.372.056

Mẫu số B 09 - DN/HN

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	11.361.476.743	12.538.294.772
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>11.361.476.743</u>	<u>12.538.294.772</u>

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.328.099.733	11.038.431.035
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	(50.271.522)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>14.328.099.733</u>	<u>10.988.159.513</u>

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	52.492.574.602	38.667.171.752
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	52.492.574.602	38.667.171.752
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.882.633	36.629.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.032</u>	<u>1.056</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	144.138.770.453	43.635.272.703

b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.299.102.122.619	1.633.126.570.877

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.787.719.670.868	1.427.773.014.279

37 CÁC CAM KẾT VÀ THÔNG TIN KHÁC

a) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCĐ-AMECC ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyard với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, sau đó tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/03/2019 của Tổng Giám đốc gửi Hội đồng quản trị. Cam kết góp vốn còn lại là 19,5 triệu USD trừ đi giá trị đã đầu tư vào Liên doanh là Dự án "Xây dựng và cung cấp thiết bị- Dự án nhà máy kết cấu thép (MSDA-002) Myanmar" với số tiền 42,68 tỷ VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động của Liên doanh đang tạm dừng do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ tiếp tục tham gia vào hoạt động của Liên doanh khi tình hình chính trị tại Myanmar ổn định trở lại.

b) Tại ngày 31/12/2023, Công ty đang trong quá trình khởi kiện một đối tác doanh nghiệp về việc đối tác doanh nghiệp này đã tự ý chiếm giữ trái phép nhà xưởng của Công ty, xem đây là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ nợ mà Công ty có trách nhiệm thanh toán, và không cho Công ty di dời. Việc chiếm giữ nhà xưởng này dẫn đến hậu quả Công ty không thể sử dụng nhà xưởng để phục vụ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh, gây thiệt hại cho Công ty. Theo đó Công ty đang yêu cầu đối tác doanh nghiệp này đền bù các thiệt hại liên quan với số tiền ước tính là 5 tỷ VND.

38 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động chế tạo, lắp đặt	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.642.326.298.306	1.361.264.793.182	3.003.591.091.488
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.416.593.940.541	1.340.048.581.489	2.756.642.522.030
Lợi nhuận từ hoạt động KD	225.732.357.765	21.216.211.693	246.948.569.458
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	36.785.959.652
Tài sản bộ phận	1.778.383.180.369	117.573.434.757	1.895.956.615.126
Tài sản không phân bổ	-	-	1.417.044.457.613
Tổng tài sản	1.778.383.180.369	117.573.434.757	3.349.787.032.391
Nợ phải trả của các bộ phận	2.419.443.308.057	9.656.692.989	2.429.100.001.046
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	133.594.566.926
Tài sản thuần	2.419.443.308.057	9.656.692.989	2.562.694.567.972

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty là chế tạo, lắp đặt và thương mại chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	Công ty liên kết
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT/Cổ đông lớn
- Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc/Cổ đông lớn
- Sankyu .Inc	Cổ đông lớn
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	59.146.433.669	36.210.939.103
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	59.146.433.669	36.210.939.103
Thu tiền bán hàng	66.536.308.919	37.474.033.014
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	66.536.308.919	37.474.033.014
Mua hàng hóa, dịch vụ	176.595.617.997	568.296.613.132
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	176.595.617.997	568.296.613.132
Trả tiền mua hàng	28.826.959.009	275.672.310.329
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	28.826.959.009	275.672.310.329
Trả gốc vay	41.647.654.449	9.950.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thọ	41.647.654.449	9.950.000.000
Nhận tiền vay	9.450.000.000	30.397.654.449
- Ông Nguyễn Văn Thọ	9.450.000.000	30.397.654.449
Trả tiền vốn góp hợp tác kinh doanh	40.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	999.999.999	6.199.999.993
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	999.999.999	6.199.999.993
Nộp tiền mua cổ phần tăng vốn	222.441.350.000	-
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	63.321.350.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thọ	58.820.000.000	-
- Sankyu .Inc	100.300.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	432.768.118	1.108.000.001
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	432.768.118	1.108.000.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	11.498.360.072	-
- Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu	11.498.360.072	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.215.541.231	56.278.420.327
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	1.215.541.231	56.278.420.327
Phải trả ngắn hạn khác	4.055.555.551	3.055.555.552
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Lãi vốn hợp tác kinh doanh	4.055.555.551	3.055.555.552
Phải trả dài hạn khác	96.803.412.954	136.803.412.954
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Chuyển nhượng đầu tư tại Myanmar	96.803.412.954	96.803.412.954
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	40.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thủ lao thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	84.000.000	84.000.000
3	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	84.000.000	84.000.000
4	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	84.000.000	84.000.000
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Cộng			456.000.000	456.000.000

Thủ lao thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng ban	339.015.384	274.230.770
Cộng			339.015.384	274.230.770

Thủ lao của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	895.638.980	928.244.499
2	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	768.557.692	829.346.153
3	Ông Nguyễn Văn Dũng (Miễn nhiệm từ ngày 29/05/2023)	Phó Tổng Giám đốc	-	735.614.040
Cộng			1.664.196.672	2.493.204.692

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh	Mẫu số B 09 - DN/HN Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
- Tài sản cố định hữu hình	221	278.277.142.992	314.624.414.082	36.347.271.090	(i)
- Chi phí xây dựng cơ bản	242	165.229.479.628	116.221.923.101	(49.007.556.527)	(i)
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262	13.370.863.781	10.988.159.513	(2.382.704.268)	(ii)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	26.471.672.594	25.491.521.463	(980.151.131)	(iii)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	97.159.264.683	83.096.426.109	(14.062.838.574)	(iii)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
- Chi phí khác	32	4.231.616.403	9.132.372.056	4.900.755.653	(i)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	13.518.445.903	12.538.294.772	(980.151.131)	(iii)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	(1.714.140.239)	1.191.115.413	2.905.255.652	(ii)
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
- Lợi nhuận trước thuế	01	57.297.337.590	52.396.581.937	(4.900.755.653)	(i)
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	42.735.964.085	47.636.719.738	4.900.755.653	(i)

Lý do điều chỉnh hồi tố:

(i): Điều chỉnh hồi tố các số liệu liên quan đến dự án Long Sơn trong vụ tranh chấp với Công ty Cổ phần Chế tạo Dàn khoan Dầu khí (PVMS) sau khi xem xét phán quyết của Trọng tài.

(ii): Điều chỉnh hồi tố tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sau khi xác định lại chi phí lãi vay theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

(iii): Thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính toán lại bởi ảnh hưởng của các bút toán tại mục (i) và (ii).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 04 tháng 04 năm 2024
Tổng Giám đốc





Vũ Thị Phương Hào

Nguyễn Hữu Phong

Nguyễn Văn Thọ